| THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
| Số: 2214/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpốk

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê Điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Điện lực ngày 30 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 12/2026/NQ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về thực hiện một số giải pháp cấp bách trong quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpốk, gồm các hồ: Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Krông Pách Thượng, Krông Búk Hạ, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 và Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1612/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpốk.

2. Các quy trình vận hành hồ chứa đã ban hành trước ngày Quyết định này có hiệu lực mà không phù hợp với Quyết định này thì phải được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Quyết định này.

3. Khi hồ Krông Pách Thượng được cấp có thẩm quyền cho phép tích nước đến mực nước dâng bình thường thì phải vận hành theo quy định của Quy trình này.

4. Quy trình vận hành liên hồ chứa là giải pháp phi công trình để phối hợp vận hành giữa các hồ chứa, công trình góp phần nâng cao hiệu quả cắt, giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và sử dụng hiệu quả nguồn nước, giảm thiểu nguy cơ hạn hán, thiếu nước trong mùa cạn trên lưu vực sông Srêpốk.

5. Các bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện việc bảo đảm an toàn cho hạ du trong mùa lũ và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong mùa cạn trên cơ sở thực hiện đồng bộ, tổng thể các giải pháp công trình, phi công trình, trong đó bao gồm xây dựng, nâng cấp hệ thống hạ tầng phòng, chống thiên tai, thủy lợi, thủy điện, cấp nước, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, chi tiết ngành có liên quan.

**Điều 3.** Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; các Bộ trưởng: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh: Đắk Lắk, Lâm Đồng; Chủ tịch Ủy ban sông Mê Công Việt Nam; Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn; Giám đốc, Tổng giám đốc hoặc Thủ trưởng hoặc người đại diện theo pháp luật (sau đây gọi chung là Giám đốc) của các đơn vị quản lý, vận hành hồ, nhà máy: Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Krông Pách Thượng, Krông Búk Hạ, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4, Srêpôk 4A và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

***Nơi nhận:***
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Ngoại giao, Xây dựng, Tài chính, Quốc phòng, Công an, Khoa học và Công nghệ, Tư pháp, Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- UBND, Ban Chỉ huy PTDS các tỉnh tại Điều 3;
- Các Cục: Quản lý tài nguyên nước; Khí tượng Thủy văn;
- Ủy ban sông Mê Công Việt Nam;
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia;
- Các đơn vị quản lý, vận hành hồ, nhà máy tại Điều 3;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ, Cục: CN, NC, CTTCP, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2).

**KT. THỦ TƯỚNG**
**PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Hồ Quốc Dũng**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# QUY TRÌNH
## Vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpốk

*(Kèm theo Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Hằng năm, các hồ: Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Krông Pách Thượng, Krông Búk Hạ, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 và Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A trên lưu vực sông Srêpốk phải vận hành theo nguyên tắc và thứ tự ưu tiên như sau:

1. Vận hành trong mùa lũ:

a) Đảm bảo an toàn công trình:

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình: Buôn Tua Srah, Krông Pách Thượng, Krông Búk Hạ, Buôn Kuốp, Srêpôk 3 và Srêpôk 4 không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 1.000 năm.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình: Krông Nô 2 và Krông Nô 3, không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 500 năm.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình: Chư Pông Krông, Hòa Phú và Đrây H'Linh, không để mực nước hồ chứa vượt cao trình mực nước lũ kiểm tra với mọi trận lũ có chu kỳ lặp lại nhỏ hơn hoặc bằng 200 năm.

b) Góp phần giảm lũ cho hạ du và không gây biến động dòng chảy đột ngột vùng biên giới Việt Nam và Campuchia.

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

2. Vận hành trong mùa cạn:

a) Đảm bảo an toàn công trình.

b) Đảm bảo nhu cầu sử dụng nước hạ du.

c) Đảm bảo hiệu quả cấp nước, phát điện, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, góp phần đảm bảo an ninh nguồn nước, năng lượng.

**Điều 2. Thời gian vận hành mùa lũ, mùa cạn trong Quy trình này được quy định như sau:**

1. Thời gian vận hành mùa lũ (sau đây gọi tắt là mùa lũ):

- Sông Krông Nô và dòng chính sông Srêpốk: từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 30 tháng 11.

- Sông Krông Ana: từ ngày 15 tháng 8 đến ngày 15 tháng 12.

2. Thời gian vận hành mùa cạn (sau đây gọi tắt là mùa cạn):

- Sông Krông Nô và dòng chính sông Srêpốk: từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 31 tháng 7 năm sau.

- Sông Krông Ana: từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 14 tháng 8 năm sau.

**Điều 3.** Việc vận hành các công trình xả của các hồ chứa phải tuân thủ theo đúng quy trình vận hành công trình xả đã được ban hành nhằm đảm bảo ổn định cho hệ thống công trình đầu mối, bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của người dân và các hoạt động có liên quan đến vận hành xả nước ở khu vực hạ lưu của hồ chứa.

**Điều 4.** Các thông số kỹ thuật cơ bản của hồ chứa theo Phụ lục I của Quy trình này.

## Chương II
## VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

**Điều 5. Nguyên tắc vận hành các hồ giảm lũ cho hạ du**

1. Việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình được thực hiện theo quy trình vận hành của hồ đã được ban hành, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Chương IV của Quy trình này hoặc các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ hoặc Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia quyết định.

2. Việc vận hành giảm lũ cho hạ du phải bảo đảm an toàn công trình hồ chứa, không được gây đột biến dòng chảy, bất thường đe dọa trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người dân khu vực ven sông ở hạ du các hồ chứa; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời gian vận hành mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này, khi chưa tham gia vận hành giảm lũ cho hạ du, mực nước các hồ chứa không được vượt mực nước cao nhất trong điều kiện bình thường được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, trừ trường hợp quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

4. Trong quá trình vận hành phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về: tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ và các bản tin, thông tin dự báo, cảnh báo tiếp theo để vận

hành, điều tiết hồ cho phù hợp với tình hình thực tế; đồng thời, phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo điều hành, cung cấp, chia sẻ các thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ chứa để nâng cao hiệu quả giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình và xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp.

5. Sau khi kết thúc quá trình vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc sau khi vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp hoặc sau khi vận hành bảo đảm an toàn công trình phải đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này.

6. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 21 và Điều 23 của Quy trình này.

**Điều 6. Quy định mực nước vận hành hồ trong mùa lũ**

1. Mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên sông tại các Trạm thủy văn Đức Xuyên, Bản Đôn và Giang Sơn theo quy định về cấp báo động lũ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

2. Mực nước cao nhất của các hồ Buôn Tua Srah, Srêpôk 3 và Krông Búk Hạ thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được quy định tại Bảng 1. Đối với các hồ chứa khác không quy định tại Bảng 1 thì mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường được thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ chứa do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

Bảng 1. Mực nước cao nhất của các hồ trong điều kiện bình thường

| Hồ | Mực nước (m) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Từ 01/8 đến 14/8 | Từ 15/8 đến 31/8 | Từ 01/9 đến 30/9 | Từ 01/10 đến 19/10 | Từ 20/10 đến 30/11 | Từ 01/12 đến 15/12 |
| Buôn Tua Srah | 486,5 | | | | 487,0 - 487,5 | (*) |
| Srêpôk 3 | 270,5 | | | | 271,0 - 272,0 | (*) |
| Krông Búk Hạ | (*) | 476,5 | 480,0 | 482,2 | 482,5 - 483,0 | 483,0 |

*(*): Thời gian vận hành mùa cạn*

3. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ khi tham gia vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2. Mực nước đón lũ thấp nhất của các hồ

| Hồ | Mực nước hồ (m) | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Từ 01/8 đến 14/8 | Từ 15/8 đến 31/8 | Từ 01/9 đến 30/9 | Từ 01/10 đến 19/10 | Từ 20/10 đến 30/11 | Từ 01/12 đến 15/12 |
| Buôn Tua Srah | 484,0 | | | | 486,5 | (*) |
| Srêpôk 3 | 269,5 | | | | 271,0 | (*) |
| Krông Búk Hạ | (*) | 475,5 | 479,0 | 481,2 | 482,5 | |
| Krông Pách Thượng | (*) | 495,2 | | | | |

*(*): Thời gian vận hành mùa cạn*

4. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ cắt, giảm lũ cho hạ du được quy định tại Bảng 3.

Bảng 3. Mực nước tại các trạm thủy văn để quyết định vận hành các hồ cắt, giảm lũ cho hạ du

| Hồ | Trạm thủy văn | Cấp báo động | Mực nước (m) |
|---|---|---|---|
| Buôn Tua Srah | Đức Xuyên | II | 426,7 |
| Srêpôk 3 | Bản Đôn | III | 174,0 |
| Krông Búk Hạ | Giang Sơn | II | 422,0 |
| Krông Pách Thượng | Giang Sơn | II | 422,0 |

**Điều 7. Chế độ vận hành hồ và thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ trong mùa lũ**

1. Việc vận hành các hồ trong mùa lũ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy trình này bao gồm các chế độ vận hành sau đây:

a) Vận hành giảm lũ cho hạ du:

(i) Đối với các hồ Buôn Tua Srah, Krông Búk Hạ, Srêpôk 3 và Krông Pách Thượng, việc vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định cụ thể tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Quy trình này bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các chế độ vận hành sau:

- Vận hành hạ thấp mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm hạ dần mực nước hồ về mực nước đón lũ thấp nhất theo quy định để tạo thêm dung tích phòng lũ. Căn cứ vào mực nước hồ, lưu lượng đến hồ và mực nước tại trạm thủy văn, người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này quyết định cụ thể về thời gian xả, lưu lượng xả phù hợp để hạ dần mực nước hồ.

- Vận hành duy trì mực nước hồ: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (sai số cho phép +/-10%) nhằm duy trì mực nước hồ.

- Vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du: là quá trình vận hành điều tiết với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ để tích nước vào hồ nhằm cắt, giảm lũ cho hạ du, nhưng phải đảm bảo mực nước hồ không vượt quá mực nước dâng bình thường.

- Vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường: là quá trình vận hành điều tiết xả nước với tổng lưu lượng xả lớn hơn lưu lượng đến hồ nhằm đưa dần mực nước hồ về mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6 sau khi vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Việc vận hành giảm lũ cho hạ du còn bao gồm chế độ vận hành điều tiết mực nước hồ để bảo đảm không vượt quá mực nước đón lũ thấp nhất trong trường hợp mực nước hồ thấp hơn mực nước quy định tại Bảng 2.

(ii) Đối với các hồ chứa khác, việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du được quy định cụ thể tại Điều 10 của Quy trình này.

b) Vận hành bảo đảm an toàn công trình: là quá trình vận hành điều tiết xả nước của hồ để bảo đảm an toàn công trình khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường (trừ các hồ được quy định mực nước khác để vận hành an toàn công trình theo quy định của quy trình vận hành hồ do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước) mà lưu lượng đến hồ vẫn tiếp tục tăng và được quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

c) Vận hành tích nước cuối mùa lũ: là quá trình vận hành với tổng lưu lượng xả nhỏ hơn lưu lượng đến hồ nhằm tích nước vào hồ và được quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

d) Vận hành trong điều kiện bình thường: là chế độ vận hành khác với quy định tại các điểm a, b, c khoản này và Điều 21 của Quy trình này để điều tiết, bảo đảm nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, phát điện, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, kể cả việc vận hành điều tiết qua tràn để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước cao nhất trong điều kiện bình thường và được quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

2. Điều kiện thực hiện các chế độ vận hành hồ quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Các hồ phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi xuất hiện tình huống sau:

Khi Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo hoặc dự báo có bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ mà trong vòng 24 đến 48 giờ tới có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến các địa phương hoặc gây ngập, lụt trên lưu vực sông Srêpốk (sau đây gọi tắt là dự báo có mưa, lũ). Trường hợp dự báo không có mưa, lũ mà lưu lượng về hồ vượt 650 $m^3/s$ đối với hồ Buôn Tua Srah, 220 $m^3/s$ đối với hồ Krông Búk Hạ và 1.200 $m^3/s$ đối với hồ Srêpôk 3 (sau đây gọi tắt là lũ đến hồ).

Việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du phải được thực hiện kể từ khi xuất hiện các tình huống quy định tại điểm này cho đến khi mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6 hoặc mực nước tại các trạm thủy văn đã xuống dưới mức báo động I và còn đang tiếp tục xuống, đồng thời không có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

b) Các hồ Buôn Tua Srah, Krông Búk Hạ và Srêpôk 3 phải thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình kể từ khi mực nước hồ đã đạt đến mực nước dâng bình thường mà lũ đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn công trình cho đến khi mực nước hồ đã giảm xuống dưới mực nước dâng bình thường và lũ đến hồ đã giảm. Các hồ khác phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định của quy trình vận

hành hồ, đập do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc theo quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

c) Các hồ Buôn Tua Srah, Srêpôk 3 và Krông Búk Hạ được bắt đầu thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ, nếu từ ngày 20 tháng 10 không xuất hiện các tình huống theo quy định tại điểm a khoản này. Đồng thời, bản tin dự báo, cảnh báo trong 10 ngày tới của Cục Khí tượng Thủy văn không có thông tin xuất hiện các hình thế thời tiết có khả năng gây mưa, lũ lớn trên lưu vực sông Srêpốk.

d) Ngoài thời gian thực hiện các chế độ vận hành quy định tại các điểm a, b và c khoản này và Điều 21 của Quy trình này, các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường.

3. Trách nhiệm, thẩm quyền quyết định vận hành các hồ trong mùa lũ được quy định như sau:

a) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du, phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ và vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp của các hồ thuộc Quy trình này do Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định, được quy định như sau:

- Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk quyết định đối với việc thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du (hạ thấp mực nước hồ, duy trì mực nước hồ, cắt, giảm lũ cho hạ du và vận hành đưa mực nước hồ về mực nước cao nhất thời kỳ mùa lũ trong điều kiện bình thường); quyết định việc phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định đối với việc thực hiện chế độ tích nước cuối mùa lũ và chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp.

b) Đối với việc thực hiện chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình, vận hành trong điều kiện bình thường do Giám đốc, Tổng Giám đốc hoặc Thủ trưởng đơn vị quản lý, vận hành hồ chứa, nhà máy thủy điện (sau đây gọi tắt là Chủ hồ) quyết định trên cơ sở quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

c) Trường hợp người có thẩm quyền chỉ đạo, quyết định vận hành hồ theo quy định tại điểm a và b khoản này mà không thực hiện trách nhiệm của mình dẫn đến mất an toàn cho công trình, hạ du, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của người dân thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Việc quyết định, chỉ đạo vận hành các hồ đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: lệnh vận hành, chỉ đạo bằng văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc chỉ đạo trực tiếp hoặc các hình thức thông tin, liên lạc khác phù hợp (sau đây gọi chung là lệnh

vận hành). Trường hợp lệnh vận hành chưa được ban hành bằng văn bản thì sau đó phải có văn bản gửi cho các cơ quan liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý. Chủ hồ phải báo cáo lại việc thực hiện lệnh vận hành bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ kiểm tra, giám sát việc vận hành.

Trường hợp xuất hiện các tình huống phải thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du, tích nước cuối mùa lũ hoặc phải chuyển sang chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp theo quy định của Quy trình này mà Chủ hồ không nhận được lệnh vận hành của Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này thì Chủ hồ quyết định việc vận hành theo quy định của Quy trình này và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Đồng thời, báo cáo ngay Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản này. Việc báo cáo vận hành công trình được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại có ghi âm, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác. Toàn bộ hồ sơ, dữ liệu, nhật ký vận hành và cơ sở đưa ra quyết định vận hành phải được lưu trữ, gửi cho các cơ quan, đơn vị liên quan để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

đ) Lệnh vận hành phải thể hiện các thông tin chính như sau: hiện trạng mực nước hạ du, mực nước hồ, lưu lượng về hồ, lưu lượng xả sau công trình; mục tiêu cần đạt của lệnh; thời gian thực hiện lệnh; mực nước hồ dự kiến đạt; cấp lưu lượng xả và các yêu cầu khác (nếu có).

**Điều 8. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Buôn Tua Srah**

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Đức Xuyên chưa vượt quá báo động I+1m thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Đức Xuyên vượt báo động I+1m nhưng vẫn dưới mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ từ 650 $m^3/s$ đến 1.000 $m^3/s$ thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm c, d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Đức Xuyên bằng hoặc vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 1.000 $m^3/s$ thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện chế độ vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Đức Xuyên xuống dưới báo động I.

- Mực nước tại Trạm thủy văn Đức Xuyên bằng hoặc vượt báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ tiếp tục lên lại thì căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm a, b, c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Đức Xuyên chưa vượt quá báo động I+1m, thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2.

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện các chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

**Điều 9. Vận hành giảm lũ cho hạ du đối với hồ Krông Búk Hạ**

1. Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn chưa vượt quá báo động I +1m thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm b, c và d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn vượt mức báo động I+1m nhưng vẫn dưới mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ từ 220 $m^3/s$ đến 400 $m^3/s$ thì thực hiện vận hành duy trì mực nước hồ.

Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm c, d khoản này hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

c) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn bằng hoặc vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 400 $m^3/s$ thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du.

Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

d) Sau khi thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm c khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện chế độ vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn xuống dưới báo động I.

- Mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn bằng hoặc vượt báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

đ) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm d khoản này, nếu lũ tiếp tục lên lại thì căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

a) Khi mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn chưa vượt quá báo động I +1m thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2.

b) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm a khoản này, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này.

**Điều 10. Phối hợp vận hành giảm lũ cho hạ du đối với các hồ khác**

Trong quá trình các hồ Buôn Tua Srah, Krông Búk Hạ vận hành, các hồ chứa khác phải tham gia cùng với các hồ chứa bậc trên, bậc dưới phối hợp vận hành để giảm lũ cho hạ du phù hợp với năng lực thực tế của hồ, tình hình mưa, lũ, không gây lũ chồng lũ và được quy định cụ thể như sau:

1. Đối với hồ Buôn Kuốp:

a) Trong quá trình các hồ Buôn Tua Srah hoặc Krông Búk Hạ vận hành

theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Quy trình này, vận hành hồ với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-10%).

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời, sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

2. Đối với hồ Srêpôk 3:

a) Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

- Khi mực nước tại Trạm thủy văn Bản Đôn chưa vượt quá mực nước quy định tại Bảng 3 hoặc lưu lượng đến hồ chưa vượt quá 1.200 $m^3/s$ thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2. Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

- Khi mực nước tại Trạm thủy văn Bản Đôn vượt mực nước quy định tại Bảng 3 hoặc lưu lượng đến hồ lớn hơn 1.200 $m^3/s$ thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du. Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời, sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

- Khi mực nước tại Trạm thủy văn Bản Đôn chưa vượt quá mực nước quy định tại Bảng 3 thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2.

- Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm này, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Sau khi thực hiện phối hợp vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm a khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại Bảng 1 thì thực hiện chế độ vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại Bảng 1, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Bản Đôn xuống dưới báo động I.

- Mực nước tại Trạm thủy văn Bản Đôn bằng hoặc vượt báo động I nhưng dưới báo động III và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

d) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm c khoản này, nếu lũ tiếp tục lên lại thì căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn, mực nước hồ và lưu lượng đến hồ tương ứng để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Đối với hồ Krông Pách Thượng:

a) Trường hợp mực nước hồ lớn hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

- Khi mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn chưa vượt quá mực nước quy định tại Bảng 3 thì thực hiện vận hành hạ dần mực nước hồ, nhưng không thấp hơn giá trị quy định tại Bảng 2. Trong quá trình vận hành, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn và mực nước hồ để chuyển sang thực hiện chế độ vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du hoặc chuyển sang chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

- Khi mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn vượt mực nước quy định tại Bảng 3 thì thực hiện vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du. Trong quá trình vận hành, nếu mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường, thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời, sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

b) Trường hợp mực nước hồ nhỏ hơn giá trị quy định tại Bảng 2:

- Khi mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn chưa vượt quá mực nước quy định tại Bảng 3 thì thực hiện vận hành điều tiết để bảo đảm mực nước hồ không vượt quá giá trị quy định tại Bảng 2.

- Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm này, căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn và mực nước hồ để thực hiện chế độ vận hành theo quy định tại điểm a khoản này.

c) Sau khi thực hiện phối hợp vận hành cắt, giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm a khoản này nếu mực nước hồ cao hơn giá trị quy định tại khoản 2 Điều 6 thì thực hiện chế độ vận hành hạ dần mực nước hồ về mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6, khi xuất hiện một trong các tình huống sau đây:

- Mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn xuống dưới báo động I.

- Mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn bằng hoặc vượt báo động I nhưng dưới báo động II và dự báo có khả năng xuất hiện một đợt lũ mới.

d) Trong quá trình vận hành theo quy định tại điểm c khoản này, nếu lũ tiếp tục lên lại thì căn cứ vào mực nước tại trạm thủy văn và mực nước hồ để thực hiện chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du theo quy định tại điểm a khoản này.

4. Đối với hồ Srêpôk 4:

a) Trong quá trình hồ Srêpôk 3 vận hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, ưu tiên vận hành phát điện liên tục với công suất tối đa có thể, bảo đảm mực nước hồ không được vượt quá mực nước dâng bình thường.

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời, sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

5. Đối với Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A:

Khi hồ Srêpôk 4 vận hành phát điện, Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A phải vận hành phát điện liên tục với lưu lượng tương đương lưu lượng nước đến nhà máy (với sai số cho phép +/-10%).

6. Đối với các hồ Đrây H'Linh và Krông Nô 3:

a) Trong quá trình các hồ bậc trên vận hành giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình hoặc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp phải phối hợp vận hành để góp phần giảm lũ cho hạ du.

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời, sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

7. Đối với các hồ Krông Nô 2, Chư Pông Krông và Hòa Phú:

a) Trong quá trình các hồ khác vận hành giảm lũ cho hạ du, bảo đảm an toàn công trình hoặc thực hiện chế độ vận hành trong tình huống bất thường, khẩn cấp, phải phối hợp vận hành hồ với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/-10%).

b) Khi mực nước hồ đạt đến mực nước dâng bình thường thì thực hiện chế độ vận hành duy trì mực nước hồ; đồng thời, sẵn sàng chuyển sang chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này.

8. Ngoài việc thực hiện phối hợp vận hành hồ theo quy định tại Điều này, các hồ phải thực hiện vận hành theo quyết định, chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 7 của Quy trình này (nếu có).

**Điều 11. Vận hành bảo đảm an toàn công trình**

Trong quá trình vận hành, khi mực nước các hồ Buôn Tua Srah, Krông Búk Hạ và Srêpôk 3 đạt đến mực nước dâng bình thường mà lưu lượng đến hồ còn tiếp tục tăng và có khả năng ảnh hưởng đến an toàn của công trình thì các Chủ hồ phải thực hiện chế độ vận hành đảm bảo an toàn công trình theo quy trình vận hành của hồ đã được cấp có thẩm quyền ban hành. Đối với các hồ khác không quy định tại Bảng 1 thì thực hiện theo quy định của Quy trình vận hành hồ do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đồng thời phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Riêng đối với các hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 thì Chủ hồ còn phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

**Điều 12. Tích nước cuối mùa lũ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, quyết định bằng văn bản việc vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ: Buôn Tua Srah, Krông Búk Hạ và Srêpôk 3 theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này trên cơ sở văn bản đề xuất của Chủ hồ. Trong vòng 03 ngày kể từ thời điểm nhận được văn bản đề xuất của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk có văn bản về việc vận hành tích nước đối với các hồ nêu trên. Việc vận hành tích nước cuối mùa lũ phải bảo đảm mực nước hồ không vượt quá mực nước quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này.

Trường hợp sau 03 ngày mà Chủ hồ chưa nhận được văn bản về việc vận hành tích nước của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì Chủ hồ được phép chủ động thực hiện chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, đồng thời có văn bản báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình thực hiện, nếu có chỉ đạo của người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này thì thực hiện theo chỉ đạo.

2. Trường hợp có cảnh báo, dự báo xuất hiện El Niño, nguy cơ thiếu nước trên lưu vực sông Srêpốk, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, quyết định thời gian tích nước sớm hơn và điều chỉnh lưu lượng, thời gian xả cho phù hợp để đảm bảo nguồn nước cho mùa cạn của năm tiếp theo. Đồng thời, thông báo Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Trong quá trình vận hành tích nước theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, phải thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình thời tiết, mưa, lũ; mực nước tại các trạm thủy văn; mực nước, lưu lượng đến hồ. Nếu xuất hiện các tình huống quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 21 của Quy trình này thì chuyển sang chế độ vận hành giảm lũ cho hạ du hoặc chế độ vận hành bảo đảm an toàn công trình hoặc vận hành theo các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định của Quy trình này.

4. Việc xem xét, quyết định chế độ vận hành tích nước cuối mùa lũ của các hồ phải bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của người dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác và phải bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du theo quy định tại Điều 13 của Quy trình này.

**Điều 13.** Vận hành các hồ trong điều kiện bình thường

Trong thời gian các hồ thực hiện chế độ vận hành trong điều kiện bình thường quy định tại điểm d khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 7 của Quy trình này, Chủ hồ được chủ động vận hành nhưng phải đảm bảo mực nước không vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy trình này, duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập, nhà máy theo quy định và phải thực hiện vận hành hằng ngày để bảo đảm yêu cầu sử dụng nước ở hạ du như sau:

1. Đối với các hồ Buôn Tua Srah và Srêpôk 3

a) Tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 40 $m^3/s$ đối với hồ Buôn Tua Srah.

b) Tổng lưu lượng xả trung bình ngày không nhỏ hơn 50 $m^3/s$ đối với hồ Srêpôk 3.

2. Đối với hồ Srêpôk 4 và Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A phải phối hợp vận hành để bảo đảm duy trì dòng chảy sau đập Srêpôk 4 như sau:

a) Trường hợp hồ Srêpôk 4 vận hành phát điện, Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A phải căn cứ vào lượng nước xả qua đập về hạ lưu sông Srêpốk của hồ Srêpôk 4 để điều chỉnh cống xả nước đầu kênh bảo đảm tổng lưu lượng nước xả liên tục về sông Srêpốk không nhỏ hơn 27 $m^3/s$.

b) Trường hợp hồ Srêpôk 4 không phát điện, hồ Srêpôk 4 phải vận hành xả nước liên tục qua đập về hạ lưu sông Srêpốk với lưu lượng không nhỏ hơn 27 $m^3/s$.

3. Đối với hồ Krông Búk Hạ

Ngoài việc vận hành hệ thống cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm cấp đủ nước trong hệ thống, phải tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du khi mực nước hồ đã đạt 482,2 m.

4. Đối với hồ Krông Pách Thượng

Ngoài việc vận hành hệ thống cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm cấp đủ nước trong hệ thống, phải tham gia điều tiết cấp nước cho hạ du.

5. Đối với các hồ Krông Nô 2, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú:

Vận hành bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 20%).

6. Đối với hồ Đrây H'Linh và Krông Nô 3: phối hợp với các hồ để tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

7. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp cần thiết Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng và các đơn vị có liên quan thống nhất điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của các hồ Buôn Tua Srah và Srêpôk 3 trong các ngày thứ bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại Điều này.

8. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, trường hợp có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng thì các hồ phải vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

## Chương III
## VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG MÙA CẠN

### Điều 14. Nguyên tắc vận hành trong mùa cạn

1. Bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn; bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, suối.

2. Căn cứ lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và các khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III để quyết định lưu lượng xả, thời gian xả phù hợp theo quy định của Quy trình này.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III thì phải căn cứ vào dự báo dòng chảy đến hồ, yêu cầu sử dụng nước tối thiểu ở hạ du để điều chỉnh giảm lưu lượng xả phù hợp với quy định của Quy trình nhằm đưa mực nước hồ về khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III.

4. Trong quá trình vận hành, khi xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp thì thực hiện theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Quy trình này.

5. Việc vận hành các hồ chứa phải căn cứ vào kịch bản nguồn nước trên lưu vực sông Srêpốk do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố để đảm bảo an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, nhu cầu sử dụng nước ở hạ du, phát điện và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

### Điều 15. Các thời kỳ vận hành hồ chứa trong mùa cạn

1. Thời kỳ I, gồm các giai đoạn sau:

a) Với sông Krông Nô và dòng chính sông Srêpốk: từ ngày 01 tháng 12 đến ngày 31 tháng 01 và từ ngày 01 tháng 6 đến ngày 31 tháng 7.

b) Với sông Krông Ana: từ ngày 16 tháng 12 đến ngày 31 tháng 01 và từ ngày 01 tháng 6 đến ngày 14 tháng 8.

2. Thời kỳ II: từ ngày 01 tháng 02 đến ngày 31 tháng 5.

### Điều 16. Thẩm quyền quyết định vận hành hồ trong mùa cạn

1. Chủ hồ được phép chủ động vận hành hồ nhưng phải tuân thủ các quy định tại các Điều 17, 18, 19 và Điều 20, trừ các trường hợp phải điều chỉnh chế độ vận hành quy định tại các khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều này và Điều 22 của Quy trình này.

2. Trong trường hợp vào đầu mùa cạn mà mực nước các hồ Buôn Tua Srah, Krông Búk Hạ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, thì căn cứ tình hình thực tế, lưu lượng đến hồ, mực nước hồ và dự báo lưu lượng đến hồ, Chủ hồ phải đề xuất phương án vận hành hồ gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt giá trị theo quy định tại Phụ lục III.

3. Trường hợp 30 ngày liên tục mà mực nước các hồ Buôn Tua Srah, Krông Búk Hạ vẫn thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 của Quy trình này, thì Chủ hồ phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, quyết định điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ nhằm đưa mực nước hồ đạt giá trị theo quy định tại Phụ lục III.

4. Trường hợp cần thiết, vào đầu mùa cạn hoặc trong các thời kỳ vận hành hồ trong mùa cạn, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng và các đơn vị liên quan để thống nhất điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của hồ Buôn Tua Srah và Srêpôk 3 trong các ngày thứ bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định, nhưng mức giảm tối đa không vượt quá 50% theo các giá trị quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Quy trình này.

5. Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành theo Quy trình này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du trên cơ sở phương án đề xuất, báo cáo của Chủ hồ.

**Điều 17. Vận hành hồ Buôn Tua Srah**

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và bảo đảm vận hành xả nước liên tục không ít hơn 12 giờ/ngày với tổng lưu lượng xả trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III

a) Không nhỏ hơn 50 $m^3/s$ đối với thời kỳ I.

b) Không nhỏ hơn 60 $m^3/s$ đối với thời kỳ II.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III

a) Không nhỏ hơn 45 $m^3/s$ đối với thời kỳ I.

b) Không nhỏ hơn 55 $m^3/s$ đối với thời kỳ II.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III

a) Từ 40 $m^3/s$ đến 45 $m^3/s$ đối với thời kỳ I.

b) Từ 50 $m^3/s$ đến 55 $m^3/s$ đối với thời kỳ II.

4. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

**Điều 18. Vận hành hồ Srêpôk 3**

Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ du để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và bảo đảm vận hành xả nước không ít hơn 12 giờ/ngày với tổng lưu lượng xả trung bình ngày như sau:

1. Trường hợp mực nước hồ cao hơn 271,0 m

a) Không nhỏ hơn 92 $m^3/s$ đối với thời kỳ I.

b) Không nhỏ hơn 102 $m^3/s$ đối với thời kỳ II.

2. Trường hợp mực nước hồ nằm trong khoảng 269,0 m đến 271,0 m

a) Không nhỏ hơn 87 $m^3/s$ đối với thời kỳ I.

b) Không nhỏ hơn 97 $m^3/s$ đối với thời kỳ II.

3. Trường hợp mực nước hồ thấp hơn 269,0 m:

a) Từ 82 $m^3/s$ đến 87 $m^3/s$ với thời kỳ I.

b) Từ 92 $m^3/s$ đến 97 $m^3/s$ với thời kỳ II.

4. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

**Điều 19. Vận hành các hồ Buôn Kuốp, Srêpôk 4 và Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A**

1. Đối với hồ Buôn Kuốp

a) Hằng ngày, vận hành xả nước về hạ lưu để bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định.

b) Hằng ngày, bảo đảm vận hành xả nước không ít hơn 12 giờ/ngày với tổng lưu lượng xả tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 20%).

2. Đối với hồ Srêpôk 4

a) Vận hành phát điện liên tục 24 giờ/ngày với lưu lượng không nhỏ hơn 90 $m^3/s$.

b) Trường hợp bất khả kháng mà không thể vận hành phát điện theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải vận hành xả nước liên tục qua đập về hạ lưu sông Srêpốk với lưu lượng không nhỏ hơn 27 $m^3/s$.

3. Đối với Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A

Khi hồ Srêpôk 4 vận hành phát điện, Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A phải vận hành cống xả nước đầu kênh để bảo đảm xả nước liên tục về sông Srêpốk với lưu lượng không nhỏ hơn 27 $m^3/s$.

4. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì các hồ phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

**Điều 20. Vận hành đối với các hồ Krông Búk Hạ, Krông Pách Thượng, Krông Nô 2, Krông Nô 3, Chư Pông Krông, Hòa Phú và Đrây H'Linh**

Hằng ngày, các hồ phải thực hiện vận hành xả nước về hạ du hồ, bảo đảm duy trì dòng chảy tối thiểu sau đập theo quy định và bảo đảm việc vận hành cấp nước cho hạ du như sau:

1. Đối với hồ Krông Búk Hạ

Ngoài việc vận hành hệ thống cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm cấp đủ nước trong hệ thống, tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du nếu mực nước hồ nằm trong hoặc cao hơn khoảng mực nước quy định tại Phụ lục III của Quy trình này.

2. Đối với hồ Krông Pách Thượng

Ngoài việc vận hành hệ thống cống lấy nước đầu kênh để bảo đảm cấp đủ nước trong hệ thống, tham gia điều tiết, cấp nước cho hạ du.

3. Đối với các hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Chư Pông Krông, Hòa Phú và Đrây H'Linh

Vận hành xả nước xuống hạ du, bảo đảm tổng lưu lượng xả trung bình ngày tương đương với lưu lượng đến hồ (với sai số cho phép +/- 20%).

4. Khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk thì các hồ phải phối hợp, vận hành xả nước về hạ du theo yêu cầu.

## Chương IV
## VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA TRONG TÌNH HUỐNG BẤT THƯỜNG, KHẨN CẤP

**Điều 21. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa lũ**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này xem xét, quyết định vận hành các hồ khác với quy định của Quy trình này khi xảy ra một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng thủy văn dự báo, cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 3 trở lên.

b) Khi một trong các hồ Buôn Tua Srah, Krông Búk Hạ đã sử dụng hết dung tích cắt, giảm lũ cho hạ du mà có dự báo, cảnh báo tiếp tục xuất hiện lũ lớn ở thượng lưu hồ.

c) Khi mực nước Trạm thủy văn Đức Xuyên vượt mực nước quy định tại Bảng 3 của Quy trình này mà mực nước hồ Buôn Tua Srah đã đạt đến mực nước dâng bình thường, đồng thời dự báo lũ trên sông Krông Nô còn tiếp tục tăng; hoặc khi mực nước Trạm thủy văn Giang Sơn vượt mực nước quy định tại

Bảng 3 của Quy trình này mà mực nước hồ Krông Búk Hạ đã đạt đến mực nước dâng bình thường, đồng thời dự báo lũ trên sông Krông Ana còn tiếp tục tăng.

d) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du.

đ) Xảy ra các tình huống khẩn cấp về thiên tai.

e) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, quyết định việc hạ mực nước hồ thấp hơn quy định tại Bảng 2 của Quy trình này.

3. Trong quá trình xử lý các tình huống quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp xuất hiện các tình huống có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến an toàn tính mạng, tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du, trên cơ sở phương án đề xuất về mức độ, khả năng đảm bảo an toàn công trình của Chủ hồ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo Bộ Công Thương (đối với hồ thủy điện), Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với hồ thủy lợi) trước khi xem xét, quyết định sử dụng một phần dung tích trên mực nước dâng bình thường của hồ, các hồ để tham gia hỗ trợ cắt, giảm lũ cho hạ du nhưng phải đảm bảo an toàn đập.

Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn có chức năng liên quan đến đảm bảo an toàn hồ chứa thủy điện, thủy lợi phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trong quá trình ra quyết định nêu trên.

**Điều 22. Vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp mùa cạn**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo thẩm quyền tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này xem xét, quyết định việc vận hành các hồ khi xuất hiện một trong các tình huống sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn cảnh báo ở hạ du xuất hiện hoặc có nguy cơ xuất hiện lũ, ngập lụt với cấp độ rủi ro thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai từ cấp độ 2 trở lên.

b) Có khả năng xuất hiện lũ trên một hoặc nhiều lưu vực hồ chứa.

c) Xuất hiện sự cố hoặc có nguy cơ đe dọa đến an toàn của công trình, kết cấu hạ tầng quan trọng, thiết yếu ở hạ du.

d) Các tình huống khác với quy định tại các điểm a, b và c của khoản này có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư ở hạ du.

2. Việc xem xét, quyết định phương án vận hành hồ trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo an toàn công trình.

3. Khi xảy ra hạn hán, thiếu nước hoặc khi kịch bản nguồn nước công bố nguồn nước trên lưu vực sông Srêpốk ở trạng thái thiếu nước hoặc thiếu nước nghiêm trọng hoặc có yêu cầu các hồ vận hành bảo đảm an ninh nguồn nước cấp cho sinh hoạt hoặc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xem xét, quyết định chế độ vận hành hồ cho phù hợp.

4. Trong quá trình vận hành theo quy định tại Điều này, khi xảy ra các tình huống quy định tại Điều 21 thì thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Quy trình này.

**Điều 23.** Việc xem xét, quyết định phương án vận hành các hồ để xử lý các tình huống bất thường, khẩn cấp phải căn cứ vào diễn biến tình hình mưa, lũ, yêu cầu về bảo đảm an toàn cho công trình, an toàn cho hạ du và bảo đảm an toàn cho tính mạng, tài sản của người dân và các công trình, kết cấu hạ tầng khác. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định.

## Chương V
## QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM, TỔ CHỨC VẬN HÀNH CÁC HỒ CHỨA VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN, BÁO CÁO

**Điều 24. Trách nhiệm của Trưởng ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng**

1. Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk

a) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền trong trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 của Quy trình này.

b) Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa, lũ, quyết định các phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ theo quy định. Việc ban hành lệnh vận hành hồ hạ thấp mực nước đón lũ và xả lũ phải trước ít nhất 04 giờ tính đến thời điểm thực hiện lệnh, trừ các tình huống bất thường, khẩn cấp. Việc đóng mở các cửa xả tuân theo quy trình vận hành hồ chứa được cấp có thẩm quyền ban hành.

c) Sử dụng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ theo thẩm quyền. Trong quá trình xem xét, quyết định vận hành hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện lệnh vận hành hồ, chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn hạ du khi các hồ xả nước.

đ) Khi ban hành lệnh vận hành hồ phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ; đồng thời thông báo cho Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của các Bộ: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Trưởng ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia.

Đối với lệnh vận hành các hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải thông báo ngay đến Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

Đối với lệnh vận hành các hồ chứa thủy điện còn phải thông báo ngay tới Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia. Riêng đối với các hồ Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Srêpôk 3 còn phải thông báo tới Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

2. Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng:

a) Khi nhận được thông báo lệnh vận hành hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 từ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk, phải chỉ đạo thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã trên địa bàn có khả năng bị lũ, lụt do vận hành hồ, đồng thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

b) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó với lũ, lụt và xử lý các tình huống ảnh hưởng đến an toàn hạ du khi các hồ xả nước.

3. Khi nhận được thông báo lệnh vận hành từ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã phải thông báo ngay đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực hạ du bị ảnh hưởng, đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp ứng phó phù hợp, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt gây ra. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổ chức thông báo để nhân dân biết và triển khai các biện pháp ứng phó.

4. Việc thông báo các lệnh vận hành theo quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này được thực hiện bằng một trong các hình thức sau: văn bản, điện thoại, tin nhắn hoặc thông báo bằng các hình thức phù hợp khác. Trường hợp không thực hiện thông báo lệnh vận hành bằng văn bản, thì người nhận được thông báo phải thông báo lại bằng văn bản và lưu trữ để phục vụ việc kiểm tra, giám sát.

5. Trên cơ sở quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk chủ trì, phối hợp với Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng và các chủ hồ ban hành Quy chế phối hợp liên quan đến việc vận hành hồ chứa để bảo đảm thông tin vận hành hồ chứa được cung cấp kịp thời, đầy đủ đến Nhân dân ở vùng hạ lưu các hồ chứa, đặc biệt trong trường hợp xảy ra mưa, lũ lớn, các tình huống bất thường, khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn tính mạng, hạn chế thiệt hại về tài sản của Nhân dân.

6. Triển khai các biện pháp ứng phó với lũ lụt, hạn hán theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

a) Quyết định vận hành các hồ theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7, khoản 4 Điều 12, khoản 2, 3 Điều 16, Điều 21 và khoản 1, 2 Điều 22 của Quy trình này.

b) Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy trình này.

c) Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các Chủ hồ xây dựng quy chế phối hợp, phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước trên địa bàn; đồng thời, chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn cho công trình có liên quan theo thẩm quyền.

d) Chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện, thủy lợi trên lưu vực sông Srêpốk thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

đ) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này.

e) Chỉ đạo các địa phương điều chỉnh lịch, thời vụ gieo trồng và kế hoạch sử dụng nước phù hợp với quy định của Quy trình này.

g) Chỉ đạo các Chủ hồ lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành xả nước của hồ, nhà máy và truyền dữ liệu về các cơ quan, đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Quy trình này.

h) Chỉ đạo Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk và các đơn vị có liên quan rà soát nhu cầu sử dụng nước hạ du, phối hợp với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị

trường điện Quốc gia để điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của hồ Buôn Tua Srah và hồ Srêpôk 3 trong các ngày thứ bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định trong trường hợp cần thiết.

i) Tổ chức xây dựng hệ thống hỗ trợ ra quyết định hoặc thuê dịch vụ hỗ trợ ra quyết định vận hành hồ chứa, liên hồ chứa để xem xét, quyết định vận hành hồ chứa theo thẩm quyền. Trong quá trình tính toán, xem xét, quyết định vận hành các hồ, ngoài việc sử dụng các bản tin dự báo, cảnh báo của Cục Khí tượng Thủy văn, có thể tham khảo các thông tin dự báo, cảnh báo có liên quan.

k) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

l) Tăng cường bảo vệ không gian thoát lũ và các biện pháp bảo đảm an toàn đập, hồ chứa theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai, quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giải thích công khai Quy trình này trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở địa phương để các cơ quan và nhân dân trên địa bàn hiểu, chủ động phòng ngừa, ứng phó, hạn chế thiệt hại do lũ, lụt và chủ động bố trí kế hoạch sản xuất, lấy nước phù hợp với chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nước.

b) Chỉ đạo các cơ quan chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các Chủ hồ xây dựng quy chế phối hợp, phương án chủ động phòng, chống lũ, lụt, hạn hán và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó với các tình huống lũ, lụt, hạn hán, thiếu nước trên địa bàn; đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn dân cư, hạn chế thiệt hại khi các hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 vận hành xả nước bảo đảm an toàn công trình hoặc vận hành trong các tình huống bất thường, khẩn cấp.

c) Chỉ đạo các đơn vị quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên địa bàn thực hiện việc lấy nước phù hợp với thời gian, lịch vận hành của các hồ chứa theo quy định tại Quy trình này.

**Điều 26. Trách nhiệm của Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia**

Chỉ đạo thực hiện các biện pháp ứng phó trong trường hợp có tính chất quan trọng, cấp bách theo quy định của pháp luật về phòng chống thiên tai, pháp luật về thủy lợi và pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

**Điều 27. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Công Thương**

1. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Chủ hồ thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bảo đảm an toàn các hồ thủy điện.

2. Chỉ đạo, đôn đốc các Chủ hồ thủy điện thực hiện việc vận hành giảm lũ và vận hành điều tiết nước cho hạ du theo quy định của Quy trình này; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị theo quy định của Quy trình này; lắp đặt hệ thống báo động, thông tin đến các hộ dân vùng hạ lưu nhận biết các tín hiệu khi các hồ chứa thủy điện tiến hành xả lũ.

3. Chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Chủ hồ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch huy động của các nhà máy thủy điện vào hệ thống điện quốc gia phù hợp với yêu cầu về vận hành giảm lũ cho hạ du trong mùa lũ và các yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả của từng hồ trong mùa cạn theo quy định của Quy trình này. Trong đó, ưu tiên huy động điện đối với các hồ chứa có bổ sung, sử dụng thêm dung tích hồ để tham gia cắt, giảm lũ cho hạ du trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của bão khẩn cấp, áp thấp nhiệt đới gần bờ hoặc có các hình thế thời tiết khác có khả năng gây mưa, lũ.

4. Chỉ đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia chủ trì phối hợp với Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk; Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng và các đơn vị có liên quan để điều chỉnh lưu lượng và thời gian xả của các hồ Buôn Tua Srah, hồ Srêpôk 3 trong các ngày thứ bảy, Chủ nhật và các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định trong trường hợp cần thiết.

5. Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy điện trên lưu vực sông Srêpốk theo thẩm quyền quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của Bộ.

6. Chỉ đạo các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc vận hành các hồ chứa thủy điện, đặc biệt trong công tác đảm bảo an toàn công trình, phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng chỉ đạo cơ quan chức năng đảm bảo an toàn cho người dân ở hạ du hồ chứa trong thời gian xảy ra mưa, lũ trên lưu vực.

7. Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy điện lớn, quan trọng trên lưu vực sông Srêpốk trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

**Điều 28. Trách nhiệm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

1. Trong mùa lũ:

a) Chỉ đạo việc bảo đảm an toàn cho các công trình thủy lợi có liên quan theo thẩm quyền.

b) Chỉ đạo việc triển khai các biện pháp ứng phó trong tình huống bất thường, khẩn cấp, quyết định biện pháp xử lý các sự cố khẩn cấp đối với công trình thủy lợi trên lưu vực sông Srêpốk theo thẩm quyền quản lý, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia xem xét, quyết định trong tình huống bất thường, khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của Bộ.

c) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn, chuyên gia tính toán xây dựng các kịch bản, hỗ trợ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định vận hành các hồ chứa trên địa bàn để bảo đảm an toàn đập, hồ chứa nước và dân cư khi dự báo lũ về hồ có khả năng vượt lưu lượng hoặc mực nước lũ thiết kế (hoặc mực nước lũ kiểm tra) hoặc mực nước lũ ở hạ du có nguy cơ vượt mức nước lũ lịch sử hoặc các tình huống bất thường khác có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn đập, hồ chứa nước hoặc đe dọa đến an toàn dân cư trên lưu vực.

d) Chỉ đạo việc nghiên cứu, đề xuất phương án sử dụng một phần dung tích phòng lũ trên mực nước dâng bình thường của hồ chứa thủy lợi lớn trên lưu vực sông Srêpốk trong phạm vi quản lý để nâng cao khả năng cắt, giảm lũ cho hạ du khi xảy ra các tình huống khẩn cấp, bất thường theo quy định tại khoản 8 Điều 50 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

2. Trong mùa cạn:

a) Chỉ đạo các Chủ hồ thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc bảo đảm an toàn các hồ thủy lợi trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy trình này.

b) Chỉ đạo địa phương, đơn vị liên quan tổ chức rà soát, kiểm tra, sẵn sàng cho việc lấy nước khi các hồ xả nước, đảm bảo không gây lãng phí nước.

c) Chỉ đạo các địa phương và các cơ quan liên quan chủ động điều chỉnh kế hoạch sử dụng nước cho nông nghiệp phù hợp với khả năng nguồn nước trong những trường hợp cần thiết.

3. Tổ chức công bố, hướng dẫn, tập huấn thực hiện Quy trình; chỉ đạo Cục Quản lý tài nguyên nước và các cơ quan chức năng kiểm tra, giám sát việc vận hành các hồ chứa theo Quy trình này và tổ chức xây dựng công cụ giám sát, tính toán, hỗ trợ tham mưu chỉ đạo điều hành việc vận hành các hồ theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo Cục Khí tượng Thủy văn tổ chức thực hiện việc quan trắc, dự báo, cảnh báo và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng thủy văn theo quy định của Quy trình này.

5. Chỉ đạo Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam phối hợp với Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các Chủ hồ thực hiện việc chia sẻ thông tin và thông báo kịp thời thông tin về vận hành và xả nước của hệ thống hồ chứa thủy điện cho các cơ quan chức năng của Campuchia theo quy định.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Quy trình này.

7. Tổ chức xây dựng hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu vận hành các hồ và các thông tin, số liệu có liên quan thống nhất trên toàn lưu vực.

8. Trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpốk theo quy định khi cần thiết.

**Điều 29. Trách nhiệm của Bộ trưởng các bộ, ngành liên quan**

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo bảo đảm an toàn các công trình, kết cấu hạ tầng và các hoạt động khác có liên quan đến khai thác, sử dụng nước trên sông, suối thuộc phạm vi quản lý.

2. Chỉ đạo các tổ chức trực thuộc, các cơ quan có liên quan xây dựng biện pháp xử lý các sự cố do lũ, ngập lụt gây ra và lập kế hoạch sử dụng nước phù hợp với Quy trình này.

**Điều 30. Trách nhiệm của Chủ hồ**

1. Thực hiện vận hành hồ chứa theo quy định của Quy trình này.

2. Theo dõi tình hình khí tượng, thủy văn; thực hiện chế độ quan trắc, dự báo, cung cấp thông tin, số liệu và chế độ báo cáo theo quy định của Quy trình này và cơ quan, địa phương có liên quan khi có yêu cầu.

Đồng thời, chủ động tính toán, xây dựng các phương án vận hành, điều tiết nước đảm bảo an toàn công trình, cắt, giảm lũ hạ du và đề xuất phương án vận hành hồ chứa tới cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định để xem xét, quyết định. Khuyến khích thuê tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, năng lực cung cấp dịch vụ quan trắc, dự báo và hỗ trợ vận hành hồ chứa để nâng cao chất lượng dự báo, vận hành hồ.

3. Lắp đặt camera, thiết bị quan trắc, giám sát tự động, trực tuyến việc vận hành của các hồ chứa; truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai). Đối với các hồ thủy điện còn phải truyền dữ liệu về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi

trường công nghiệp, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia); các hồ thủy lợi còn phải truyền dữ liệu về Bộ Nông nghiệp và Môi trường (qua Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi) theo quy định. Ngoài ra, các hồ Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Đrây H'Linh và Srêpôk 3 phải truyền dữ liệu về Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Riêng các hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 thì Chủ hồ còn phải truyền dữ liệu về Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Hằng ngày, cung cấp số liệu vận hành hồ về hệ thống thông tin, giám sát việc vận hành hồ của Cục Quản lý tài nguyên nước. Đối với các hồ thủy điện còn phải truyền số liệu vận hành hồ về Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp theo yêu cầu.

5. Thực hiện việc thông báo, cảnh báo để bảo đảm an toàn cho người dân và các hoạt động có liên quan trên sông, suối ở khu vực hạ lưu hồ chứa, nhà máy trước khi vận hành điều tiết nước qua tràn, bắt đầu xả nước phát điện hoặc các trường hợp gia tăng đột ngột của lưu lượng xả về hạ du.

6. Trong mùa lũ:

a) Trách nhiệm thực hiện lệnh vận hành được quy định như sau:

- Thực hiện lệnh vận hành hồ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk.

- Trường hợp xảy ra tình huống không thực hiện được theo đúng lệnh vận hành, Chủ hồ phải báo cáo ngay với người ra lệnh vận hành.

b) Khi thực hiện lệnh vận hành các cửa xả tràn, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk và thông báo ngay tới Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và Chủ hồ bậc dưới liền kề.

Riêng đối với Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải thông báo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

c) Thực hiện việc vận hành bảo đảm an toàn công trình theo quy định tại Điều 11 của Quy trình này. Khi vận hành bảo đảm an toàn công trình, phải báo cáo ngay tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk; Bộ Công Thương (đối với các hồ thủy điện), Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với các hồ thủy lợi).

Riêng đối với Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải báo cáo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

d) Khi xuất hiện các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại Điều 21 của Quy trình này, phải báo cáo ngay và kèm theo phương án đề xuất tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, quyết định.

Riêng đối với Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải thông báo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

đ) Việc báo cáo, thông báo tới các cơ quan quy định tại khoản này được thực hiện bằng một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác, sau đó văn bản gốc phải được gửi cho các cơ quan, đơn vị nêu trên để theo dõi, đối chiếu và lưu hồ sơ quản lý.

e) Chủ hồ Srêpôk 4 phải thực hiện thông báo kịp thời mọi thông tin như đã cam kết cho phía Campuchia theo quy định tại khoản 4 Điều 33 của Quy trình này.

g) Đề xuất bằng văn bản phương án tích nước theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

7. Trong mùa cạn:

a) Tổ chức vận hành hồ với lưu lượng, thời gian xả theo đúng quy định của Quy trình này; bảo đảm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và bảo đảm cấp nước an toàn đến cuối mùa cạn, đầu mùa lũ; chỉ được chào bán điện năng lên thị trường điện phù hợp với yêu cầu về thời gian, lưu lượng xả theo quy định của Quy trình này.

b) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xem xét, quyết định phương án điều tiết nước cho hạ du nếu xảy ra sự cố hoặc trong trường hợp sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình mà không thể vận hành công trình theo quy định của Quy trình này.

c) Đề xuất phương án, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk để xem xét, quyết định việc điều chỉnh lưu lượng, thời gian vận hành các hồ theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 16 và việc vận hành nếu xảy ra các tình huống bất thường, khẩn cấp quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quy trình này.

d) Đề xuất phương án, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 22 của Quy trình này để xem xét, quyết định việc điều chỉnh chế độ vận hành hồ cho phù hợp.

đ) Đối với Chủ hồ Srêpôk 4 còn có trách nhiệm chuyển bản tin bằng mạng vi tính hoặc bằng máy thông tin vô tuyến điện cho Ủy ban sông Mê Công Việt Nam; Ủy ban sông Mê Công Campuchia; Tỉnh trưởng tỉnh Mondulkiri và Công ty Thủy lợi Mondulkiri nhằm đảm bảo thông tin cho các cơ quan liên quan phía Campuchia để kịp thời phối hợp và có ứng xử cần thiết; phối hợp với Ủy ban

sông Mê Công Việt Nam và các cơ quan liên quan, xử lý kịp thời các ý kiến của Campuchia trong quá trình thực hiện các quy định của Quy trình này.

e) Trong trường hợp vận hành bình thường, Chủ hồ Srêpôk 4 thông báo kế hoạch xả nước 02 tuần tiếp theo qua mạng vi tính hoặc bằng máy thông tin vô tuyến điện hoặc các hình thức khác phù hợp trước 07 ngày cho Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Ủy ban sông Mê Công Campuchia, Tỉnh trưởng tỉnh Mondulkiri và Công ty Thủy lợi Mondulkiri.

g) Hằng ngày, Chủ hồ bậc trên phải thông báo kế hoạch xả nước tới Chủ hồ bậc dưới liền kề. Riêng Chủ hồ Srêpôk 4 phải thông báo kế hoạch vận hành xả nước cho Giám đốc Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A. Đồng thời, Giám đốc Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A phải thông báo kế hoạch phát điện cho Chủ hồ Srêpôk 4.

h) Triển khai lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các hồ thuộc phạm vi quản lý bảo đảm phù hợp với kịch bản nguồn nước do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố; phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng, điều chỉnh, triển khai các phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước trên lưu vực sông.

8. Công ty Thủy điện Buôn Kuốp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Quy chế phối hợp vận hành và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng, thủy văn, vận hành hồ.

**Điều 31. Trách nhiệm về an toàn các công trình**

1. Lệnh vận hành các hồ điều tiết lũ trái với các quy định trong Quy trình này dẫn đến công trình đầu mối, hệ thống các công trình thuỷ lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du bị mất an toàn thì người ra lệnh phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Việc thực hiện sai lệnh vận hành dẫn đến mất an toàn công trình đầu mối, hệ thống các công trình thuỷ lợi, giao thông và dân sinh ở hạ du thì Chủ hồ liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

3. Trong quá trình vận hành công trình nếu phát hiện có nguy cơ xảy ra sự cố công trình đầu mối, đòi hỏi phải điều chỉnh tức thời thì Chủ hồ thủy điện có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Công Thương, Chủ hồ thủy lợi có trách nhiệm báo cáo sự cố, đề xuất phương án khắc phục với Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đồng thời, các Chủ hồ phải báo cáo ngay tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk và Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia để chỉ đạo công tác phòng, chống lũ cho hạ du.

Riêng Chủ hồ các công trình Buôn Tua Srah, Buôn Kuốp, Đrây H'Linh và Srêpôk 3 còn phải báo cáo ngay tới Tập đoàn điện lực Việt Nam; Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú,

Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải báo cáo ngay tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

4. Hằng năm, phải thực hiện tổng kiểm tra trước mùa lũ theo quy định. Chủ hồ có trách nhiệm tổ chức kiểm tra các trang thiết bị, các hạng mục công trình và tiến hành sửa chữa để đảm bảo vận hành theo chế độ làm việc quy định. Đồng thời, báo cáo tới Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Bộ Công Thương đối với các hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đối với hồ thủy lợi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk để theo dõi, chỉ đạo.

Riêng đối với Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải báo cáo tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

5. Trường hợp có sự cố công trình và trang thiết bị không thể sửa chữa xong trước 14 tháng 8 với các hồ Krông Búk Hạ, Krông Pách Thượng và trước ngày 31 tháng 7 với các hồ còn lại trong Quy trình này, Chủ hồ phải báo cáo ngay tới các cơ quan theo quy định tại khoản 4 Điều này để chỉ đạo xử lý.

**Điều 32. Chế độ quan trắc, dự báo trong mùa lũ**

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ theo quy định tại khoản 2 Điều này, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo như sau:

a) Hằng ngày, Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc thực hiện 01 bản tin dự báo tại các Trạm thủy văn Giang Sơn, Bản Đôn và Đức Xuyên vào 15 giờ.

b) Hằng ngày, Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 04 lần vào các thời điểm: 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

- Thực hiện bản tin dự báo 01 lần vào 09 giờ. Nội dung bản tin dự báo phải bao gồm lưu lượng đến hồ, mực nước hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ và 24 giờ tới.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện chế độ quan trắc, dự báo và duy trì cho đến khi kết thúc đợt lũ như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Thực hiện việc thu thập số liệu quan trắc mưa, mực nước tại các trạm quan trắc khí tượng, thủy văn thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên hệ thống sông Srêpốk theo quy định.

- Thực hiện các bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết nguy hiểm gây mưa, lũ lớn; các bản tin dự báo, cảnh báo lũ, lũ khẩn cấp tại các Trạm thủy văn Đức Xuyên, Giang Sơn và Bản Đôn. Tần suất ban hành các bản tin dự báo, cảnh báo thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai (sau đây gọi tắt là quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai).

- Theo dõi, dự báo và phát hiện thời điểm mực nước tại các Trạm thủy văn Đức Xuyên, Giang Sơn và Bản Đôn đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của các hồ theo quy định của Quy trình này.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy, qua cống lấy nước đầu kênh (đối với hồ chứa thủy lợi) ít nhất 01 giờ một lần, quan trắc 01 giờ 04 lần khi mực nước hồ chứa trên mực nước lũ thiết kế.

- Thực hiện bản tin dự báo lũ về hồ định kỳ 03 giờ 01 lần. Nội dung bản tin dự báo gồm mực nước hồ, lưu lượng đến hồ thời điểm hiện tại và các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới, trong đó phải dự báo thời gian xuất hiện đỉnh lũ đến hồ; dự kiến tổng lưu lượng xả tại các thời điểm 06 giờ, 12 giờ, 18 giờ, 24 giờ tới.

- Đối với Chủ hồ Buôn Tua Srah, Srêpôk 3, Krông Búk Hạ còn phải theo dõi, phát hiện thời điểm lưu lượng đến hồ đạt giá trị tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này và báo cáo tới Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Hằng năm, trước thời gian bắt đầu được phép tích nước quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 và khoản 2 Điều 12 của Quy trình này, Cục Khí tượng Thủy văn phải thực hiện bản tin dự báo diễn biến thời tiết, thủy văn trong 10 ngày tới trên lưu vực sông Srêpốk và được cập nhật để phục vụ vận hành tích nước các hồ chứa theo quy định tại Điều 12 của Quy trình này.

**Điều 33. Trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa lũ**

1. Trong điều kiện thời tiết bình thường, khi chưa xuất hiện tình huống thời tiết có khả năng gây mưa lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện việc cung cấp thông tin, số liệu như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc phải cung cấp bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng,

chống thiên tai), Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, các Chủ hồ trước 16 giờ hằng ngày.

b) Chủ hồ cung cấp bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ bậc dưới liền kề trước 11 giờ hằng ngày; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện.

Riêng đối với Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải cung cấp tới Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

2. Khi dự báo có mưa, lũ hoặc xuất hiện mưa, lũ, Cục Khí tượng Thủy văn, Chủ hồ phải thực hiện việc cung cấp số liệu, thông tin như sau:

a) Cục Khí tượng Thủy văn chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp ngay bản tin dự báo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 của Quy trình này cho Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia (qua Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai), Bộ Công Thương, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ.

Khi mực nước tại Trạm thủy văn Giang Sơn, Bản Đôn, Đức Xuyên đạt mực nước tương ứng với các chế độ vận hành của hồ theo quy định của Quy trình này thì phải thông báo ngay cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ Buôn Tua Srah, Srêpôk 3, Krông Búk Hạ và Krông Pách Thượng.

b) Chủ hồ cung cấp ngay bản tin dự báo và số liệu quan trắc, tính toán theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 32 của Quy trình này cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, các Chủ hồ bậc dưới liền kề; Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện.

Riêng đối với Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải cung cấp tới Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Chủ hồ Srêpôk 3 và Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A phải chia sẻ và thông báo kịp thời các thông tin về vận hành, điều tiết hồ Srêpôk 3 và Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A cho Chủ hồ Srêpôk 4, bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ thông báo cho phía Campuchia.

4. Chủ hồ Srêpôk 4 đóng vai trò đầu mối cung cấp thông tin cho phía Campuchia về vận hành, xả nước theo Quy trình như sau:

a) Trong trường hợp vận hành bình thường, thông báo kế hoạch xả nước 02 tuần tiếp theo bằng chuyển bản tin qua mạng vi tính hoặc bằng máy thông tin vô tuyến điện trước 07 ngày cho các cơ quan: Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Ủy ban sông Mê Công Campuchia, Tỉnh trưởng tỉnh Mondulkiri và Công ty Thủy lợi Mondulkiri.

b) Trong trường hợp có kế hoạch vận hành đặc biệt (xả nước, tích nước,...) phải thông báo trước 07 ngày bằng chuyển bản tin qua mạng vi tính hoặc bằng máy thông tin vô tuyến điện cho Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Ủy ban sông Mê Công Campuchia, Tỉnh trưởng tỉnh Mondulkiri và Công ty Thủy lợi Mondulkiri nhằm đảm bảo thông tin cho các cơ quan liên quan phía Campuchia để kịp thời phối hợp và có ứng xử cần thiết.

c) Trong trường hợp xả lũ khẩn cấp, thông báo bằng chuyển bản tin qua mạng vi tính hoặc bằng máy thông tin vô tuyến điện hoặc trực tiếp qua điện thoại khẩn cho các cơ quan: Ủy ban sông Mê Công Việt Nam, Ủy ban sông Mê Công Campuchia, Tỉnh trưởng tỉnh Mondulkiri và Công ty Thủy lợi Mondulkiri, đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ủy ban sông Mê Công Việt Nam đảm bảo thông tin kịp thời cho các cơ quan liên quan của Campuchia, hạn chế tối đa tổn thất do xả lũ.

5. Trách nhiệm báo cáo:

Các Chủ hồ có trách nhiệm báo cáo kết quả vận hành giảm lũ và trạng thái làm việc của công trình, việc báo cáo được thực hiện như sau:

a) Chậm nhất 02 ngày sau khi kết thúc đợt lũ, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành giảm lũ, trạng thái làm việc sau đợt lũ của hồ và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk; Bộ Công Thương và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện; Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

Riêng đối với Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng;

b) Hằng năm, chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc mùa lũ quy định tại Điều 2 của Quy trình này, các Chủ hồ phải báo cáo kết quả vận hành trong mùa lũ, trạng thái làm việc trong mùa lũ của hồ, các đề xuất, kiến nghị và các thông tin có liên quan đến Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Đắk Lắk, Bộ Công Thương, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, chỉ đạo.

Riêng đối với Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự tỉnh Lâm Đồng.

6. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

**Điều 34. Chế độ quan trắc, dự báo và trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo trong mùa cạn**

1. Trách nhiệm tổ chức quan trắc, dự báo:

a) Cục Khí tượng Thủy văn có trách nhiệm chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc:

- Tổ chức đo đạc, quan trắc các trị số khí tượng thủy văn: số liệu mưa, mực nước của toàn bộ mạng quan trắc thuộc phạm vi quản lý của Cục Khí tượng Thủy văn trên lưu vực sông Srêpốk.

- Nhận định xu thế diễn biến thời tiết, thủy văn trong tháng tới trên lưu vực sông Srêpốk vào ngày 01 hằng tháng.

b) Chủ hồ phải thực hiện việc quan trắc, dự báo như sau:

- Hằng ngày, tổ chức quan trắc lượng mưa theo quy định; quan trắc, tính toán mực nước hồ, lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả qua đập tràn, qua nhà máy ít nhất 02 lần một ngày vào lúc 07 giờ và 19 giờ.

- Đối với Chủ hồ Buôn Tua Srah, còn phải tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ Buôn Tua Srah 10 ngày tới vào các ngày 01, 11 và 21 hằng tháng.

- Đối với Chủ hồ Krông Búk Hạ còn phải tổ chức dự báo lưu lượng đến hồ, mực nước hồ Krông Búk Hạ 30 ngày tới vào ngày 01 hằng tháng.

2. Trách nhiệm cung cấp thông tin, số liệu:

a) Cục Khí tượng Thủy văn: chỉ đạo, phân công các đơn vị trực thuộc cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và các đơn vị quản lý, vận hành các hồ Buôn Tua Srah và Krông Búk Hạ các số liệu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong 10 ngày qua trước 16 giờ các ngày 01, 11, 21 hằng tháng.

b) Chủ hồ Buôn Tua Srah và Krông Búk Hạ cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Lâm Đồng, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia các số liệu sau:

- Lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du dự kiến 10 ngày tới trước 11 giờ vào các ngày 01, 11, 21 hàng tháng đối với hồ Buôn Tua Srah.

- Lưu lượng đến hồ, lưu lượng xả về hạ du dự kiến 30 ngày tới trước 11 giờ vào các ngày 01 hằng tháng với hồ Krông Búk Hạ.

c) Chủ hồ Srêpôk 3 phải thông báo kịp thời các thông tin về vận hành, điều tiết hồ Srêpôk 3 cho Chủ hồ Srêpôk 4 nhằm đảm bảo duy trì lưu lượng xả về hạ du theo quy định của Quy trình này.

d) Hằng ngày, các Chủ hồ cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Cục Quản lý tài nguyên nước, Cục Khí tượng Thủy văn, Đài Khí tượng Thủy văn Trung Bộ, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia đối với các hồ thủy điện các số liệu quan trắc, tính toán theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Riêng đối với Chủ hồ Krông Nô 2, Krông Nô 3, Buôn Tua Srah, Chư Pông Krông, Buôn Kuốp, Hòa Phú, Đrây H'Linh, Srêpôk 3, Srêpôk 4 còn phải cung cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

3. Phương thức cung cấp thông tin, số liệu:

Việc cung cấp các thông tin, số liệu cho các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo một trong các phương thức sau: trực tiếp, mạng vi tính, thư điện tử, điện thoại, máy vô tuyến điện và các hình thức thông tin, liên lạc phù hợp khác.

**Điều 35. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường kịp thời hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, đơn vị quản lý, vận hành xử lý khó khăn, vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

2. Trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Srêpốk, nếu có nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan kiến nghị bằng văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

# Phụ lục I

## BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHỦ YẾU CỦA CÁC HỒ CHỨA*

*(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

| TT | Thông số | Đơn vị | Krông Pách Thượng | Krông Búk Hạ | Krông Nô 2 | Krông Nô 3 | Buôn Tua Srah | Chư Pông Krông | Buôn Kuốp | Hòa Phú | Đrây H'linh | Srêpôk 3 | Srêpôk 4 | Srêpôk 4A |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **Các đặc trưng lưu vực** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Diện tích lưu vực | $km^2$ | 233,6 | 452 | 484 | 942 | 2.930 | 3.080 | 7.980 | 8.680 | 8.800 | 9.410 | 9.560 | 9.560 |
| 2 | Lưu lượng TB nhiều năm | $m^3/s$ | 8,84 | 9 | 28 | 31 | 102 | 101 | 217 | 238 | | 250 | 245 | 245 |
| 3 | Lưu lượng đỉnh lũ kiểm tra | $m^3/s$ | 3.060 | 1.760 | 2.849 | 2.996 | 5.809 | 4.368 | 11.190 | 8.480 | 8.507 | 12.270 | 12.323 | |
| 4 | Lưu lượng đỉnh lũ thiết kế | $m^3/s$ | 2.368 | 1.320 | 2.308 | 2.429 | 4.267 | 3.653 | 8.000 | 6.550 | 7.228 | 8.760 | 8.856 | |
| **II** | **Hồ chứa** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Loại hình điều tiết hồ | | Nhiều năm | Năm | Ngày | Ngày | Năm | Ngày | Ngày | Ngày | Ngày | Ngày | Ngày | Ngày |
| 2 | Mực nước dâng bình thường | m | 496,2 | 483,00 | 620,00 | 555,00 | 487,50 | 429,30 | 412,00 | 302,00 | 293,80 | 272,00 | 207,00 | 186,59 |
| 3 | Mực nước chết | m | 480,5 | 469,00 | 619,00 | 554,50 | 465,00 | 429,30 | 409,00 | 301,30 | 290,80 | 268,00 | 204,00 | 185,50 |
| 4 | Mực nước lũ kiểm tra | m | 498,26 | 485,07 | 621,44 | 560,56 | 489,50 | 435,21 | 414,50 | 306,83 | 297,80 | 275,00 | 210,48 | |
| 5 | Mực nước lũ thiết kế | m | 497,57 | 484,01 | 620,05 | 559,85 | 487,82 | 434,27 | | 305,89 | 297,41 | | | |
| 6 | Dung tích ứng với MNDBT | $tr.m^3$ | 121,28 | 109,34 | 9,36 | 18,64 | 786,90 | 2,90 | 63,24 | 5,01 | 2,28 | 218,99 | 25,94 | 3,94 |
| 7 | Dung tích hữu ích (Whi) | $tr.m^3$ | 108,26 | 95,74 | 0,84 | 0,87 | 522,60 | | 14,70 | 1,01 | 1,53 | 62,85 | 8,44 | 0,78 |
| 8 | Dung tích chết ($W_c$) | $tr.m^3$ | 13,02 | 13,60 | 8,52 | 17,76 | 264,20 | 2,90 | 48,54 | 4,00 | 0,75 | 156,13 | 17,50 | 3,16 |
| **III** | **Đập tràn** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Số cửa van | Cửa | Tự do + 3 Cửa van | Tự do + 3 Cửa van | 4 Cửa van | Tự do | 3 Cửa van | Tự do+ 5 Cửa van | 5 Cửa van | Tự do+6 Cửa van | Tự do | 5 Cửa van | 5 Cửa van | |
| 2 | Cao trình ngưỡng tràn | m | 496,2/489,5 | 483/475 | 609,00 | 555,00 | 473,50 | 429,3/423,30 | 396,00 | 302/296 | 293,80 | 256,50 | 191,50 | |
| 3 | Kích thước mỗi cửa van (BxH) | m x m | 10x10 | 7x8 | 9x11 | | 12x14.8 | 8x6.65 | 15x16 | 8x6 | | 15x15.5 | 15x16 | |
| 4 | Q xả tràn ứng với MNKT | $m^3/s$ | 1.351 | 1.249 | 2.291 | 2.394 | 4.151 | 1.458 | 10.968 | 1.871 | 8.426,92 | 11.636 | 11.865 | |
| **IV** | **Nhà máy** | | | | | | | | | | 4 nhà máy | | | |
| 1 | Lưu lượng thiết kế (Qtk) | $m^3/s$ | | | 65,2 | 73,1 | 204,9 | 210,0 | 316,0 | 438,3 | | 412,8 | 507,4 | 492,0 |
| 2 | Cột nước thiết kế | m | | | 61,6 | 28,1 | 46,5 | | 98,5 | 7,5 | | 60,0 | | |
| 3 | Công suất lắp máy ($N_{lm}$) | MW | | | 30,0 | 18,0 | 86,0 | 8,0 | 280,0 | 29,0 | 34,0 | 220,0 | 80,0 | 64,0 |
| 4 | Số tổ máy | | | | 2,0 | 2,0 | 2,0 | 2,0 | 2,0 | 2,0 | | 2,0 | 2,0 | 2,0 |
| 5 | Số cửa lấy nước | | | | 2,0 | 2,0 | 2,0 | 2,0 | 2,0 | 2,0 | | 2,0 | 4,0 | 2,0 |
| 6 | Kích thước cửa lấy nước (BxH) | m x m | | | 3,35 x 9,67 | 3,5 x 3,5 | 5,5 x 5,5 | 8,8 x 8,8 | 11 x 7,5 | 10,6 x 11,51 | | 13 x 16 | 7,6 x 10,4 | |
| 7 | Cao trình ngưỡng cửa lấy nước | m | 476,2 | 464 | | | 452,5 | 413,1 | 394,0 | 279,6 | | 244,0 | 191,0 | |
| 8 | Cao trình đỉnh cửa lấy nước | m | | | | | 458,0 | 421,9 | 401,5 | 291,1 | | 260,0 | 201,4 | |

**: Các thông số kỹ thuật được thu thập từ các hồ sơ thiết kế, nâng cấp sửa chữa*

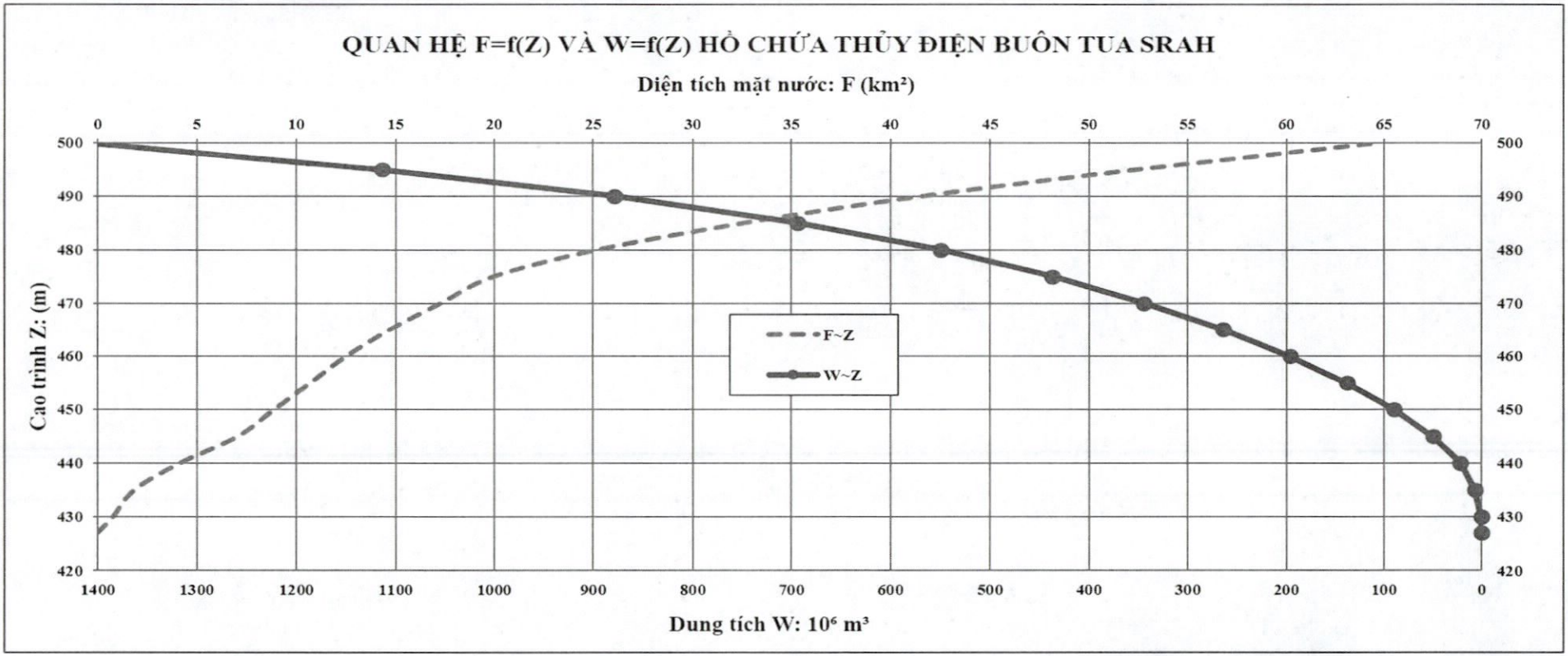


## Phụ lục II

# BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỰC NƯỚC, DIỆN TÍCH VÀ DUNG TÍCH

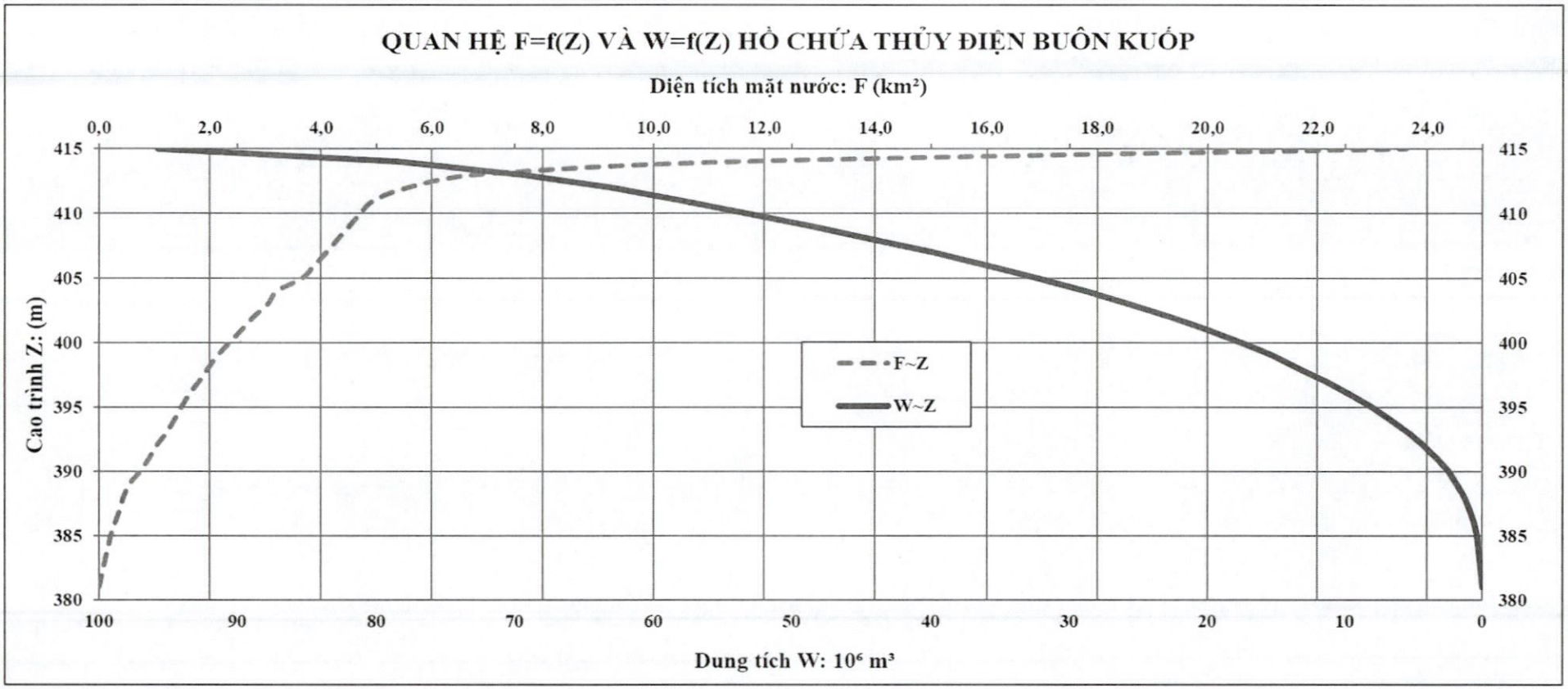
*(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

## 1. HỒ BUÔN TUA SRAH



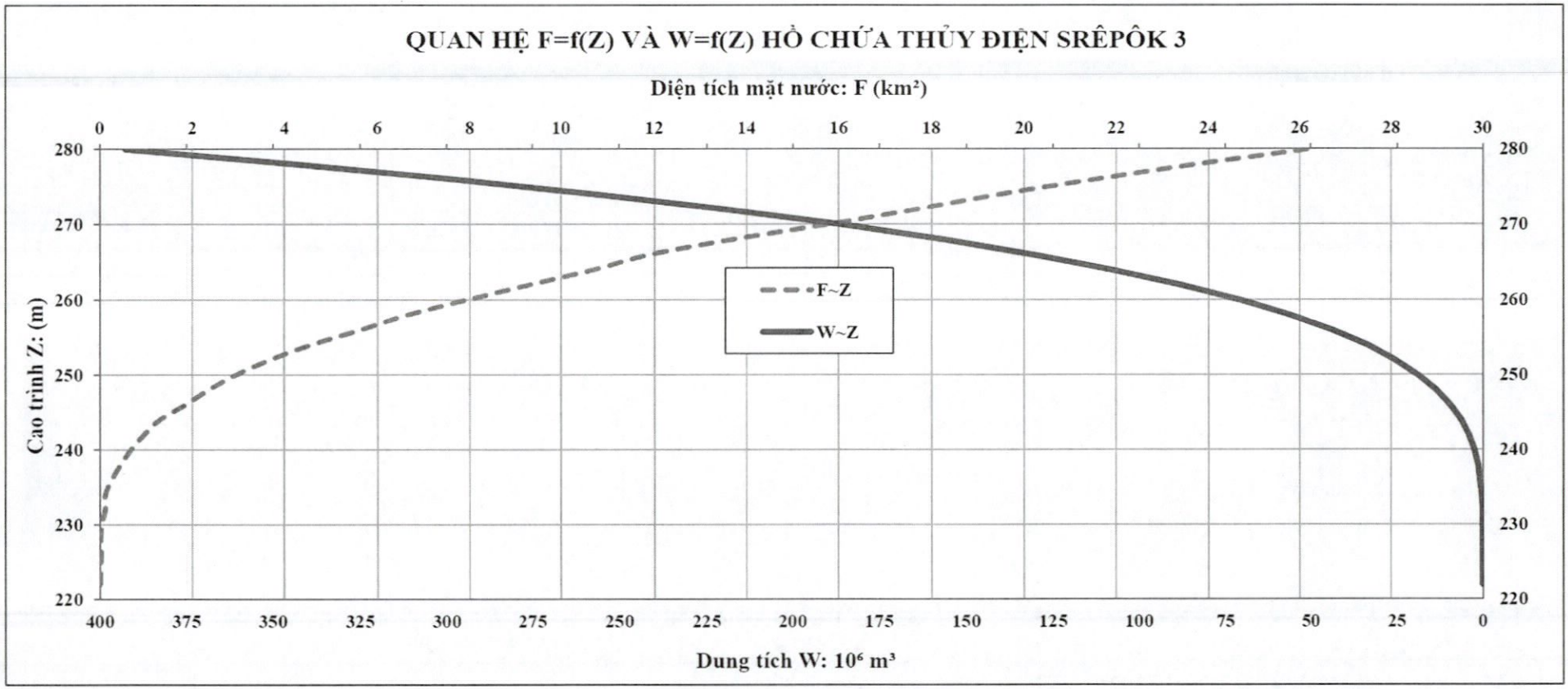

| **Z (m)** | **427** | **430** | **435** | **440** | **445** | **450** | **455** | **460** | **465** | **470** | **475** | **480** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F ($km^2$) | 0 | 0,77 | 1,85 | 4,15 | 7,07 | 8,89 | 10,7 | 12,5 | 14,7 | 17,3 | 20 | 25,2 |
| W ($10^6 m^3$) | 0 | 0,77 | 7,13 | 21,8 | 49,5 | 89,3 | 138 | 196 | 264 | 344 | 437 | 550 |
| **Z (m)** | **485** | **490** | **495** | **500** | | | | | | | | |
| F ($km^2$) | 32,6 | 41,6 | 52,5 | 64,7 | | | | | | | | |
| W ($10^6 m^3$) | 694 | 879 | 1114 | 1406 | | | | | | | | |

## 2. HỒ BUÔN KUỐP



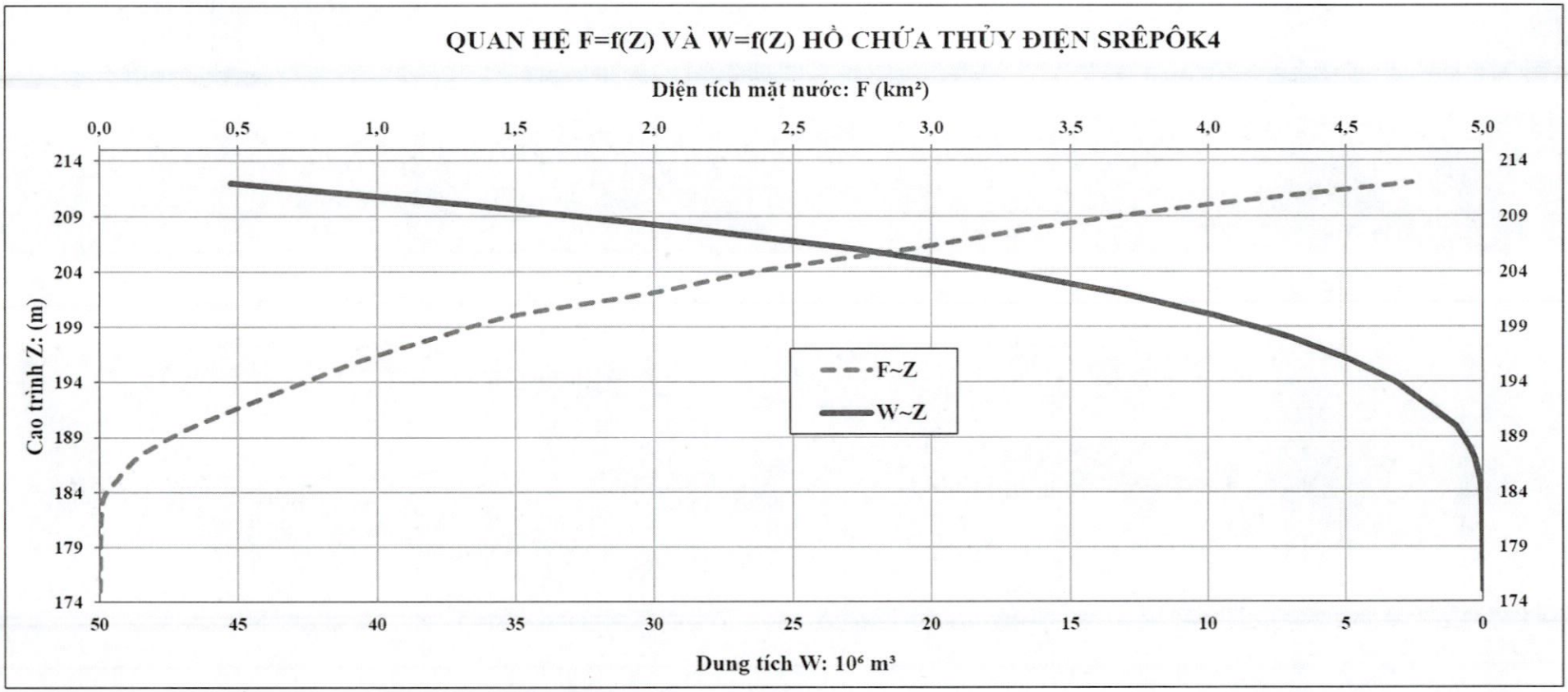

| **Z (m)** | **381** | **385** | **386** | **387** | **388** | **389** | **390** | **391** | **392** | **393** | **394** | **395** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F ($km^2$) | 0 | 0,21 | 0,29 | 0,37 | 0,44 | 0,55 | 0,74 | 0,9 | 1,04 | 1,22 | 1,36 | 1,49 |
| W ($10^6 m^3$) | 0 | 0,34 | 0,59 | 0,92 | 1,32 | 1,82 | 2,46 | 3,28 | 4,25 | 5,37 | 6,66 | 8,08 |
| **Z (m)** | **396** | **397** | **398** | **399** | **400** | **401** | **402** | **403** | **404** | **405** | **406** | **407** |
| F ($km^2$) | 1,63 | 1,81 | 1,97 | 2,14 | 2,36 | 2,58 | 2,79 | 3,05 | 3,21 | 3,66 | 3,88 | 4,1 |
| W ($10^6 m^3$) | 9,64 | 11,4 | 13,3 | 15,3 | 17,6 | 20 | 22,7 | 25,6 | 28,8 | 32,2 | 36 | 39,9 |
| **Z (m)** | **408** | **409** | **410** | **411** | **412** | **413** | **414** | **415** | | | | |
| F ($km^2$) | 4,3 | 4,51 | 4,71 | 4,95 | 5,57 | 6,82 | 11,5 | 23,6 | | | | |
| W ($10^6 m^3$) | 44,1 | 48,6 | 53,2 | 58 | 63,2 | 69,4 | 78,5 | 95,7 | | | | |

## 3. HỒ SRÊPÔK 3



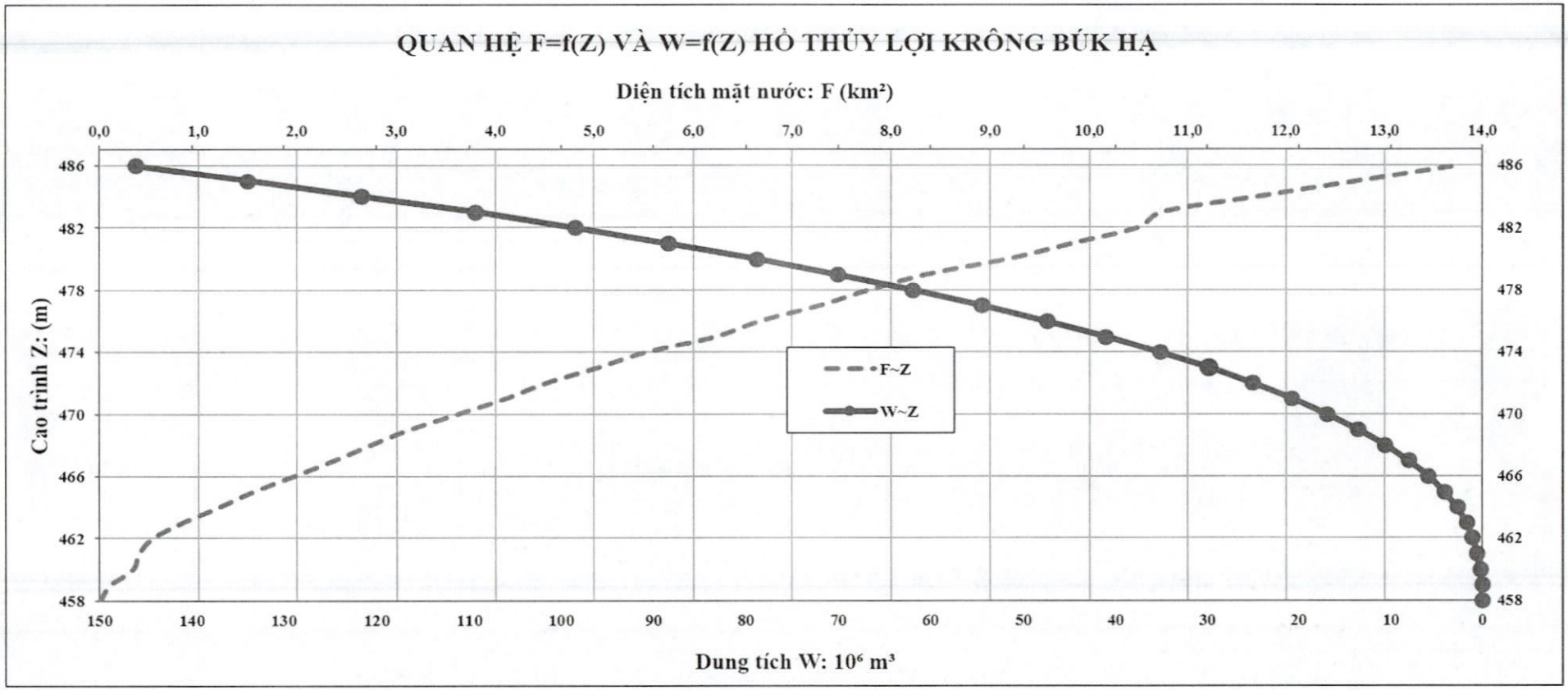

| **Z (m)** | **222** | **224** | **226** | **228** | **230** | **232** | **234** | **236** | **238** | **240** | **242** | **244** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F ($km^2$) | 0 | 0,001 | 0,002 | 0,01 | 0,03 | 0,11 | 0,11 | 0,25 | 0,44 | 0,66 | 0,94 | 1,28 |
| W ($10^6m^3$) | 0 | 0,001 | 0,004 | 0,02 | 0,06 | 0,19 | 0,41 | 0,76 | 1,45 | 2,53 | 4,12 | 6,33 |
| **Z (m)** | **246** | **248** | **250** | **252** | **254** | **256** | **258** | **260** | **262** | **264** | **266** | **268** |
| F ($km^2$) | 1,84 | 2,34 | 2,94 | 3,68 | 4,56 | 5,63 | 6,65 | 7,93 | 9,31 | 10,7 | 11,9 | 13,7 |
| W ($10^6m^3$) | 9,43 | 13,6 | 18,9 | 25,5 | 33,7 | 43,9 | 56,1 | 70,7 | 87,9 | 107,9 | 130,5 | 156,1 |
| **Z (m)** | **270** | **272** | **274** | **276** | **278** | **280** | | | | | | |
| F ($km^2$) | 15,8 | 17,7 | 19,5 | 21,6 | 23,8 | 26,23 | | | | | | |
| W ($10^6m^3$) | 185,6 | 219 | 256,2 | 297,3 | 342,7 | 392,6 | | | | | | |

## 4. HỒ SRÊPÔK 4



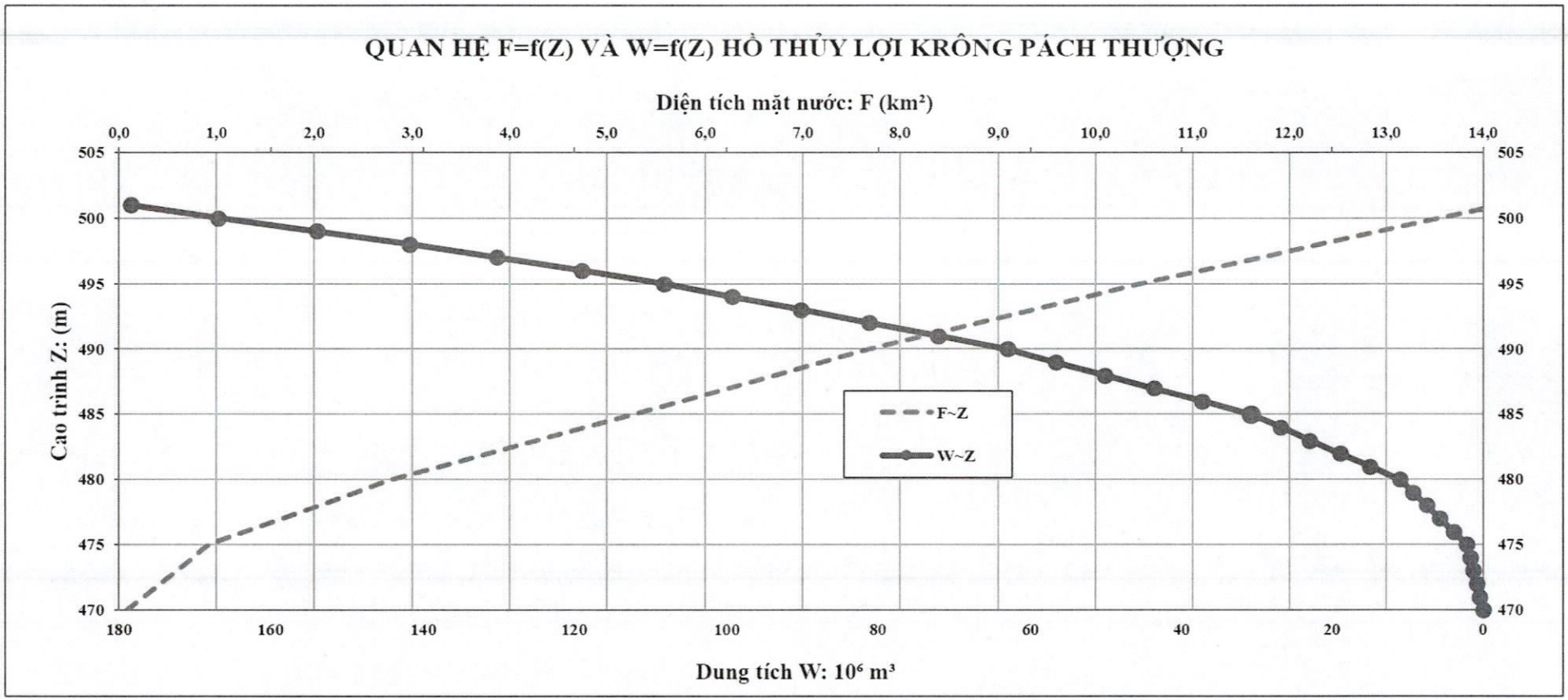

| Z (m) | 175 | 183 | 185 | 187 | 188 | 190 | 194 | 196 | 198 | 200 | 202 | 204 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F (km²) | 0 | 0,01 | 0,06 | 0,13 | 0,19 | 0,34 | 0,74 | 0,95 | 1,21 | 1,49 | 1,98 | 2,37 |
| W ($10^6 m^3$) | 0 | 0,02 | 0,1 | 0,28 | 0,44 | 0,96 | 3,17 | 4,86 | 7,01 | 9,71 | 13,17 | 17,5 |
| **Z (m)** | **206** | **208** | **210** | **212** | | | | | | | | |
| F (km²) | 2,92 | 3,41 | 4 | 4,74 | | | | | | | | |
| W ($10^6 m^3$) | 22,78 | 29,1 | 36,5 | 45,23 | | | | | | | | |

## 5. HỒ KRÔNG BÚK HẠ



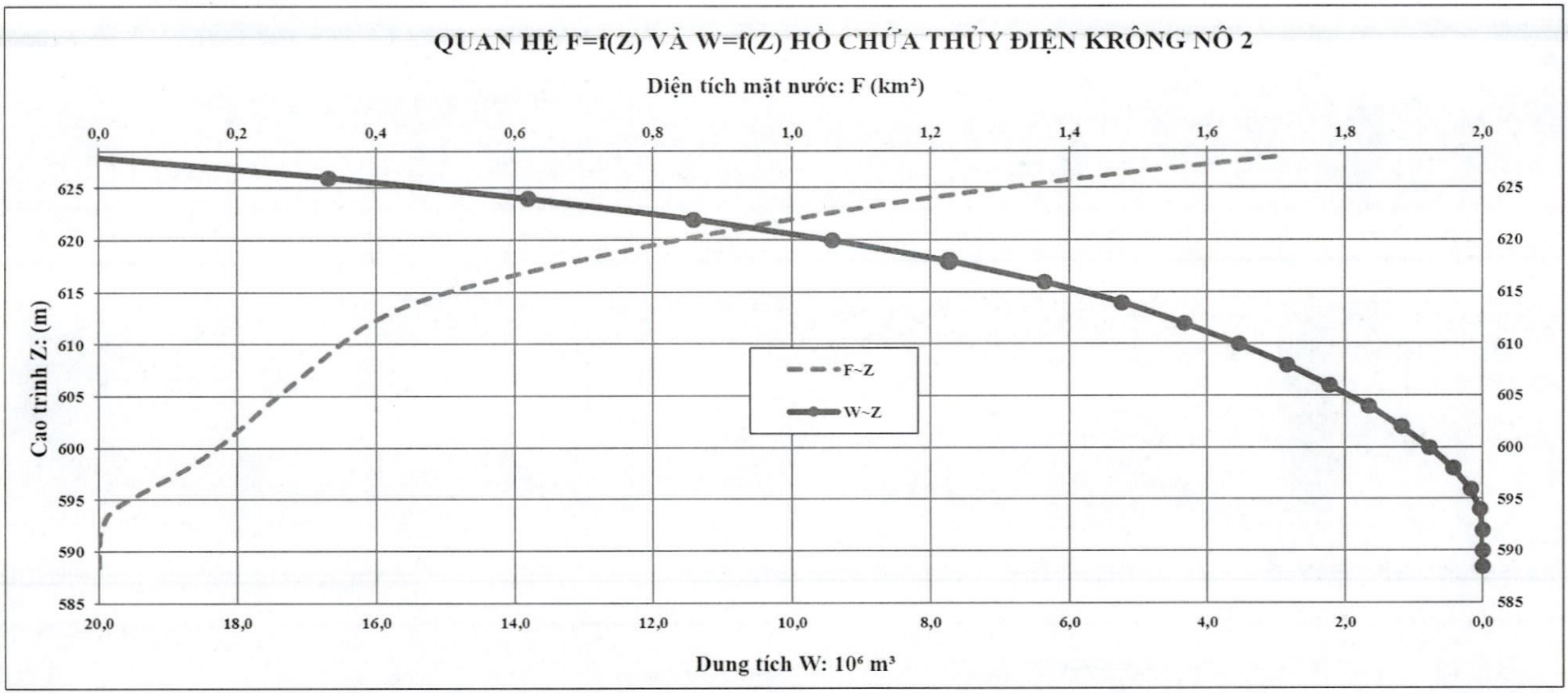

| **Z (m)** | **458** | **459** | **460** | **461** | **462** | **463** | **464** | **465** | **466** | **467** | **468** | **469** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F ($km^2$) | 0,01 | 0,11 | 0,34 | 0,4 | 0,54 | 0,84 | 1,21 | 1,56 | 1,97 | 2,37 | 2,74 | 3,13 |
| W ($10^6m^3$) | 0 | 0,05 | 0,26 | 0,64 | 1,11 | 1,79 | 2,81 | 4,19 | 5,95 | 8,12 | 10,67 | 13,6 |
| **Z (m)** | **470** | **471** | **472** | **473** | **474** | **475** | **476** | **477** | **478** | **479** | **480** | **481** |
| F ($km^2$) | 3,62 | 4,1 | 4,51 | 5,04 | 5,53 | 6,23 | 6,68 | 7,28 | 7,78 | 8,36 | 9,19 | 9,84 |
| W ($10^6m^3$) | 17 | 20,8 | 25,1 | 29,9 | 35,2 | 41,1 | 47,5 | 54,5 | 62 | 70,1 | 78,9 | 88,4 |
| **Z (m)** | **482** | **483** | **484** | **485** | **486** | | | | | | | |
| F ($km^2$) | 10,5 | 10,75 | 11,76 | 12,77 | 13,78 | | | | | | | |
| W ($10^6m^3$) | 98,5 | 109,34 | 121,61 | 133,87 | 146,14 | | | | | | | |

## 6. HỒ KRÔNG PÁCH THƯỢNG



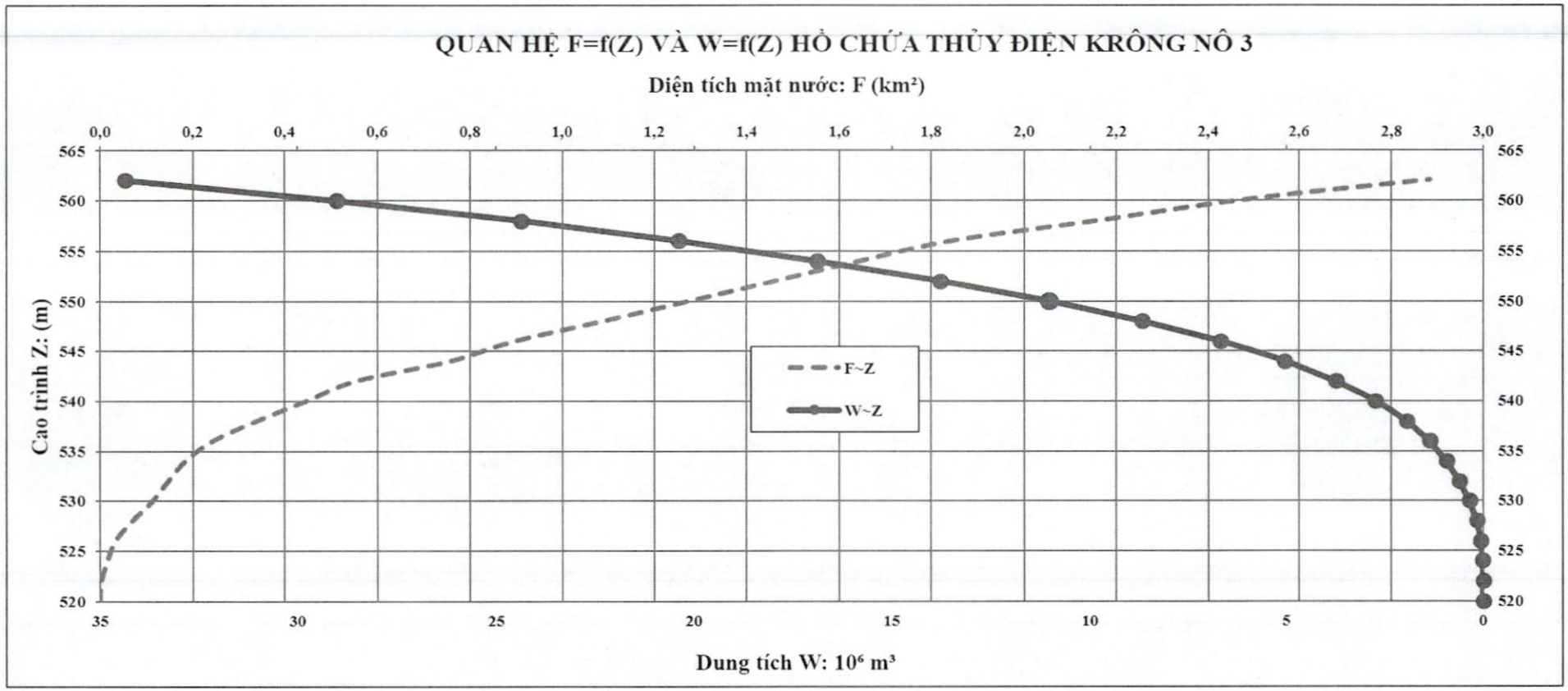

| **Z (m)** | **470** | **471** | **472** | **473** | **474** | **475** | **476** | **477** | **478** | **479** | **480** | **481** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F (km²) | 0,08 | 0,25 | 0,42 | 0,59 | 0,76 | 0,93 | 1,3 | 1,68 | 2,05 | 2,42 | 2,79 | 3,29 |
| W ($10^6 m^3$) | 0 | 0,43 | 0,85 | 1,28 | 1,71 | 2,13 | 3,91 | 5,69 | 7,47 | 9,25 | 11,03 | 15 |
| **Z (m)** | **482** | **483** | **484** | **485** | **486** | **487** | **488** | **489** | **490** | **491** | **492** | **493** |
| F (km²) | 3,78 | 4,28 | 4,78 | 5,27 | 5,76 | 6,24 | 6,72 | 7,2 | 7,69 | 8,25 | 8,8 | 9,36 |
| W ($10^6 m^3$) | 18,97 | 22,94 | 26,9 | 30,87 | 37,31 | 43,76 | 50,2 | 56,64 | 63,08 | 72,13 | 81,17 | 90,22 |
| **Z (m)** | **494** | **495** | **496** | **497** | **498** | **499** | **500** | **501** | | | | |
| F (km²) | 9,92 | 10,47 | 11,09 | 11,71 | 12,32 | 12,94 | 13,56 | 14,2 | | | | |
| W ($10^6 m^3$) | 99,27 | 108,31 | 119,04 | 130,25 | 141,88 | 153,96 | 166,88 | 178,42 | | | | |

## 7. HỒ KRÔNG NÔ 2



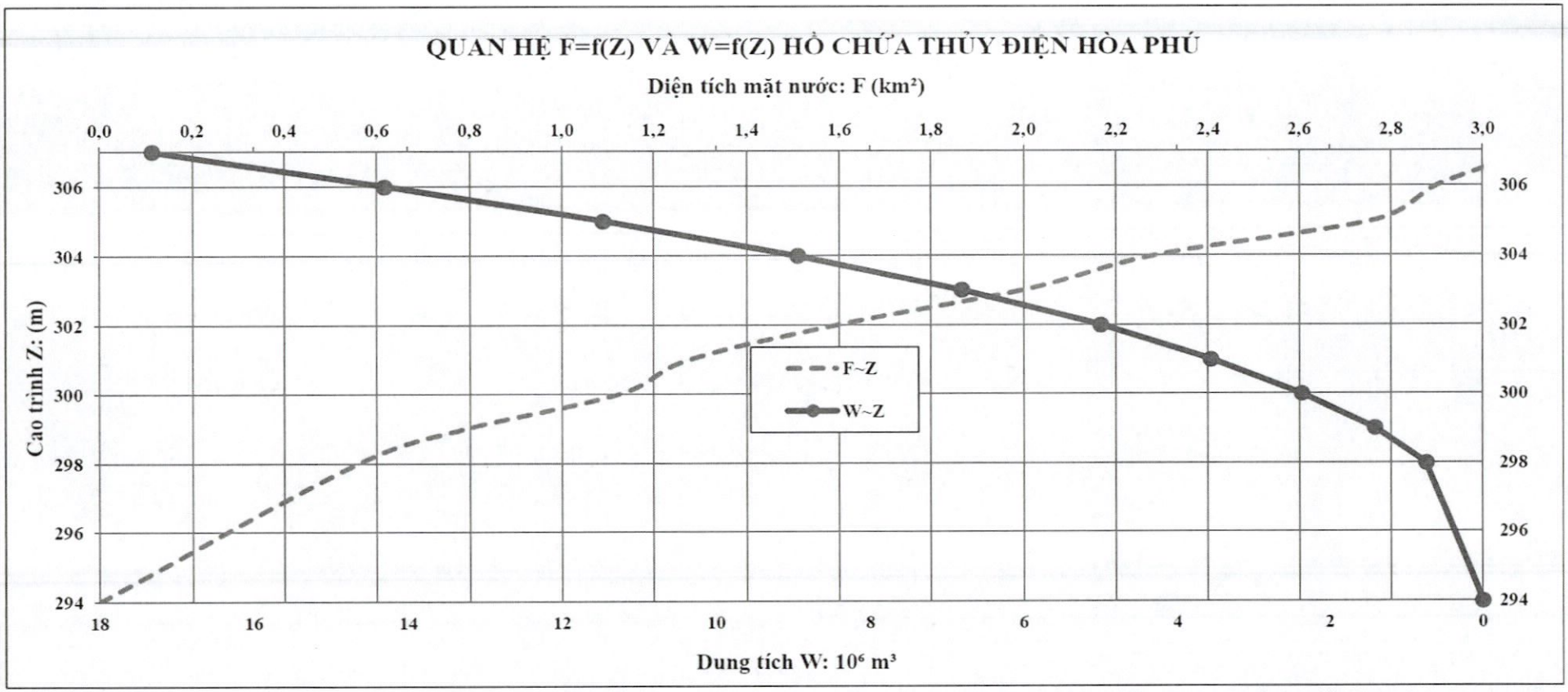

| **Z (m)** | **588,5** | **590** | **592** | **594** | **596** | **598** | **600** | **602** | **604** | **606** | **608** | **610** |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F ($km^2$) | 0 | 0 | 0,003 | 0,02 | 0,07 | 0,126 | 0,17 | 0,207 | 0,241 | 0,277 | 0,313 | 0,349 |
| W ($10^6 m^3$) | 0 | 0,001 | 0,006 | 0,046 | 0,187 | 0,44 | 0,781 | 1,194 | 1,677 | 2,231 | 2,858 | 3,555 |
| **Z (m)** | **612** | **614** | **616** | **618** | **620** | **622** | **624** | **626** | **628** | | | |
| F ($km^2$) | 0,391 | 0,456 | 0,558 | 0,69 | 0,838 | 1,002 | 1,198 | 1,435 | 1,707 | | | |
| W ($10^6 m^3$) | 4,338 | 5,25 | 6,367 | 7,747 | 9,423 | 11,427 | 13,822 | 16,691 | 20,106 | | | |

## 8. HỒ KRÔNG NÔ 3



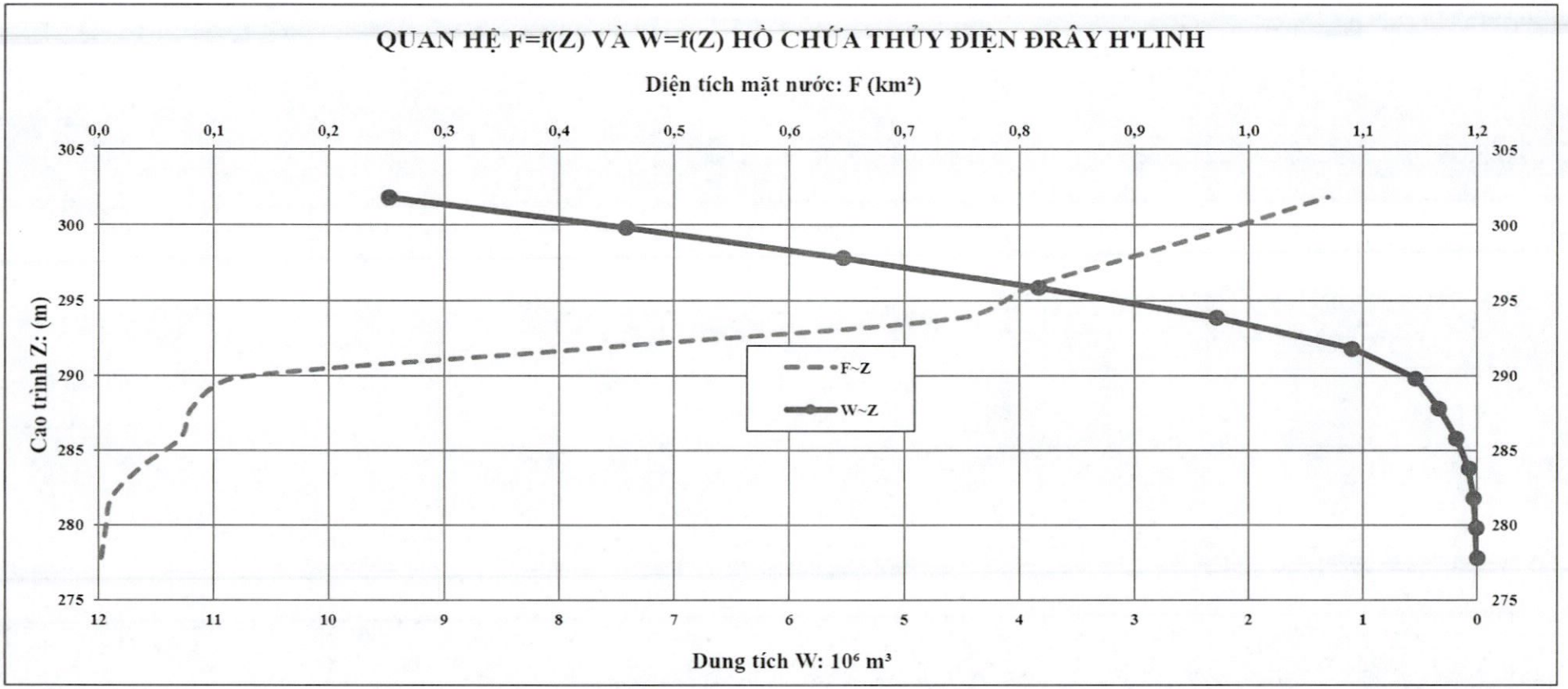

| Z (m) | 520 | 522 | 524 | 526 | 528 | 530 | 532 | 534 | 536 | 538 | 540 | 542 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F (km²) | 0 | 0,003 | 0,016 | 0,033 | 0,07 | 0,113 | 0,147 | 0,184 | 0,244 | 0,34 | 0,448 | 0,554 |
| W ($10^6 m^3$) | 0 | 0,002 | 0,019 | 0,066 | 0,167 | 0,349 | 0,609 | 0,94 | 1,366 | 1,948 | 2,734 | 3,734 |
| **Z (m)** | **544** | **546** | **548** | **550** | **552** | **554** | **556** | **558** | **560** | **562** | | |
| F (km²) | 0,758 | 0,897 | 1,091 | 1,277 | 1,463 | 1,647 | 1,848 | 2,163 | 2,474 | 2,884 | | |
| W ($10^6 m^3$) | 5,04 | 6,694 | 8,678 | 11,043 | 13,781 | 16,889 | 20,382 | 24,389 | 29,023 | 34,376 | | |

## 9. HỒ HÒA PHÚ




| Z (m) | 294 | 298 | 299 | 300 | 301 | 302 | 303 | 304 | 305 | 306 | 307 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F ($km^2$) | 0 | 0,56 | 0,791 | 1,125 | 1,277 | 1,6 | 2,002 | 2,289 | 2,767 | 2,904 | 3,124 |
| W ($10^6 m^3$) | 0 | 0,746 | 1,418 | 2,371 | 3,571 | 5,007 | 6,804 | 8,949 | 11,473 | 14,308 | 17,321 |

## 10. HỒ ĐRÂY H'LINH




| Z (m) | 277,8 | 279,8 | 281,8 | 283,8 | 285,8 | 287,8 | 289,8 | 291,8 | 293,8 | 295,8 | 297,8 | 299,8 | 301,8 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| F ($km^2$) | 0,00 | 0,01 | 0,01 | 0,04 | 0,07 | 0,08 | 0,12 | 0,43 | 0,75 | 0,81 | 0,90 | 0,99 | 1,07 |
| W ($10^6 m^3$) | 0,005 | 0,014 | 0,032 | 0,08 | 0,188 | 0,341 | 0,542 | 1,096 | 2,28 | 3,836 | 5,538 | 7,419 | 9,48 |

## Phụ lục III

## KHOẢNG MỰC NƯỚC ĐỂ ĐIỀU HÀNH CÁC HỒ TRONG MÙA CẠN

*(Kèm theo Quy trình tại Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)*

| STT | Khoảng thời gian (ngày/tháng) | | Khoảng mực nước (m) | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Từ | Đến | Buôn Tua Srah | | Krông Búk Hạ | |
| | | | Từ | Đến | Từ | Đến |
| 1 | 1/12 | 10/12 | 482 | 484,2 | | |
| 2 | 11/12 | 20/12 | 482 | 484,1 | 480,9 | 482,6 |
| 3 | 21/12 | 30/12 | 482 | 484 | | |
| 4 | 1/1 | 10/1 | 481,8 | 483,9 | 477,2 | 480,7 |
| 5 | 11/1 | 20/01 | 481,6 | 483,5 | | |
| 6 | 21/1 | 31/01 | 481 | 483,1 | | |
| 7 | 1/2 | 10/2 | 480,6 | 482,6 | 475,4 | 477,5 |
| 8 | 11/2 | 20/02 | 480 | 482 | | |
| 9 | 21/2 | 28/02 (29/02) | 479,5 | 481,6 | | |
| 10 | 1/3 | 10/3 | 479 | 481,2 | 472,1 | 474,3 |
| 11 | 11/3 | 20/3 | 478 | 480,5 | | |
| 12 | 21/3 | 31/3 | 477,2 | 479,9 | | |
| 13 | 1/4 | 10/4 | 476,5 | 479 | 469,9 | 473,0 |
| 14 | 11/4 | 20/4 | 474,8 | 477,5 | | |
| 15 | 21/4 | 30/4 | 473,2 | 476 | | |
| 16 | 1/5 | 10/5 | 471,7 | 474,8 | 469,0 | 469,0 |
| 17 | 11/5 | 20/5 | 470,6 | 473,6 | | |
| 18 | 21/5 | 31/5 | 469,5 | 472,6 | | |
| 19 | 1/6 | 10/6 | 468,5 | 471,3 | 469,2 | 473,4 |
| 20 | 11/6 | 20/6 | 467,5 | 470,4 | | |
| 21 | 21/6 | 30/6 | 467 | 470 | | |
| 22 | 1/7 | 10/7 | 466,8 | 469,8 | 469,8 | 474,3 |
| 23 | 11/7 | 20/7 | 466,6 | 469,6 | | |
| 24 | 21/7 | 31/7 | 465 | 469,5 | | |
| 25 | 1/8 | 14/8 | - | - | 470,0 | 476,5 |